

## **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
được lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
được lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo thu nhập tổng hợp khác hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 72

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

## THÔNG TIN CHUNG

### THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 38 ngày 10 tháng 7 năm 2017. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
Ông Lô Băng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hảo	Thành viên độc lập
Ông Lương Phan Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Vinh	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017 Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Phương Chi	Trưởng Ban Kiểm soát – Không chuyên trách Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên chuyên trách
Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên chuyên trách Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Fung Kai Jin	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Khôi	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Đức Vinh – Tổng Giám đốc được Ông Ngô Chí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Văn bản Ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 5 tháng 7 năm 2012.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tắt cả những sai lệch trong yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng và các công ty con đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60755038/19509118-HN-IFRS-BN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") và các công ty con, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo thu nhập tổng hợp khác hợp nhất giữa niên độ, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

### *Cơ sở của ý kiến của Kiểm toán viên*

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISAs). Trách nhiệm của chúng tôi theo các chuẩn mực này được mô tả trong phần "Trách nhiệm của kiểm toán viên đối với việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất" của báo cáo này. Chúng tôi độc lập với Ngân hàng và các công ty con như theo yêu cầu của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp dành cho kế toán viên chuyên nghiệp của Ủy ban soạn thảo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp quốc tế ("Chuẩn mực của IESBA") và các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp liên quan đến cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của chúng tôi tại Việt Nam, và chúng tôi cũng tuân thủ các trách nhiệm về đạo đức nghề nghiệp khác theo các yêu cầu này và theo Chuẩn mực của IESBA. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng và các công ty con trong tương lai, công bố, nếu có, các vấn đề liên quan đến hoạt động liên tục và áp dụng cơ sở kế toán hoạt động liên tục trừ khi Ban Tổng Giám đốc dự định giải thể Ngân hàng hoặc bắt buộc phải làm vậy do nguyên nhân khác.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên trong việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Mục tiêu của chúng tôi trong cuộc kiểm toán là thu thập đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, xét trên khía cạnh tổng thể, có được lập không có sai sót trọng yếu, do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi trong báo cáo kiểm toán độc lập. Đảm bảo hợp lý là sự đảm bảo ở mức độ cao, nhưng không chắc chắn rằng cuộc kiểm toán được thực hiện tuân thủ theo ISAs sẽ luôn phát hiện ra sai sót trọng yếu còn tồn tại. Các sai sót có thể phát sinh do gian lận hoặc nhầm lẫn và được coi là trọng yếu nếu, khi xét riêng rẽ hay tổng hợp lại, sai sót đó có thể gây ảnh hưởng tới quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính được đưa ra dựa trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Trong cuộc kiểm toán tuân thủ với ISAs, chúng tôi thực hiện các xét đoán chuyên môn và duy trì thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong suốt cuộc kiểm toán. Chúng tôi cũng thực hiện:

- ▶ Phát hiện và đánh giá rủi ro về việc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có chứa đựng những sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót, thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp với các rủi ro này và thu thập các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi. Rủi ro không phát hiện sai sót trọng yếu do gian lận được đánh giá là cao hơn so với rủi ro không phát hiện sai sót trọng yếu do nhầm lẫn, vì gian lận có thể hình thành từ việc thông đồng, giả mạo, cố ý bỏ sót, hiểu sai hoặc không chế kiểm soát nội bộ.
- ▶ Thu thập các hiểu biết thích hợp về kiểm soát nội bộ liên quan đến cuộc kiểm toán nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nhưng không phục vụ mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con.
- ▶ Đánh giá tính hợp lý của các chính sách kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá các thuyết minh trong báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.
- ▶ Kết luận về tính phù hợp trong việc sử dụng cơ sở kế toán hoạt động liên tục của Ban Tổng Giám đốc và, dựa trên các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được, kết luận rằng liệu có tồn tại yếu tố không chắc chắn với ảnh hưởng trọng yếu liên quan đến các sự kiện hoặc điều kiện có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng và các công ty con hay không. Nếu chúng tôi kết luận rằng yếu tố không chắc chắn với ảnh hưởng đáng kể có tồn tại, thì trong báo cáo kiểm toán độc lập, chúng tôi phải lưu ý đến các thuyết minh có liên quan của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hoặc, nếu yếu tố này không được thuyết minh đầy đủ, chúng tôi phải sửa đổi ý kiến kiểm toán của mình. Kết luận của chúng tôi dựa trên các bằng chứng kiểm toán thu thập được cho đến ngày của báo cáo kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, các sự kiện hoặc điều kiện tương lai có thể dẫn đến việc Ngân hàng và các công ty con phải ngừng hoạt động liên tục.
- ▶ Đánh giá việc trình bày tổng thể, cấu trúc và nội dung của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, bao gồm các thuyết minh, và việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất này có trình bày các giao dịch và các sự kiện một cách hợp lý.
- ▶ Thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các thông tin tài chính của các đơn vị hoặc các hoạt động kinh doanh trong Ngân hàng và các công ty con để đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát và thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con. Chúng tôi chỉ chịu trách nhiệm về ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

Chúng tôi đã trao đổi với những người chịu trách nhiệm quản trị doanh nghiệp của Ngân hàng và các công ty con về phạm vi và lịch trình cuộc kiểm toán theo kế hoạch và các phát hiện quan trọng từ cuộc kiểm toán, bao gồm các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà chúng tôi phát hiện được trong quá trình kiểm toán.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9	16.156.294	11.708.091
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	10	(6.674.856)	(5.103.091)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>9.481.438</b>	<b>6.605.000</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.380.512	889.488
Chi phí hoạt động dịch vụ		(747.693)	(540.510)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>11</b>	<b>632.819</b>	<b>348.978</b>
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12</b>	<b>(54.721)</b>	<b>(304.128)</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>13</b>	<b>970.791</b>	<b>557.817</b>
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>		<b>11.030.327</b>	<b>7.207.667</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14	(3.755.168)	(3.168.049)
<b>Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>7.275.159</b>	<b>4.039.618</b>
Chi phí nhân viên	15	(2.559.292)	(1.460.252)
Chi phí khấu hao tài sản và thiết bị		(114.874)	(82.657)
Chi phí hoạt động khác	16	(1.488.674)	(1.235.574)
<b>Tổng chi phí hoạt động</b>		<b>(4.162.840)</b>	<b>(2.778.483)</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>3.112.319</b>	<b>1.261.135</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	(657.666)	(321.510)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	17, 18	1.629	31.761
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(656.037)</b>	<b>(289.749)</b>
<b>Lợi nhuận thuần trong kỳ</b>		<b>2.456.282</b>	<b>971.386</b>

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BÁO CÁO THU NHẬP TỔNG HỢP KHÁC HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Lợi nhuận thuần trong kỳ		2.456.282	971.386
Thu nhập tổng hợp khác sau thuế			
Chênh lệch giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		248.831	364.737
Thuế thu nhập liên quan đến các thu nhập tổng hợp khác	18	(49.766)	(72.947)
Thu nhập tổng hợp trong kỳ sau thuế		2.655.347	1.263.176

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiêm Giám đốc Tài chính



Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

## BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
<b>Tài sản</b>		
Tiền mặt và tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19	4.757.544
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	20	9.620.120
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	21	4.941.268
Tài sản tài chính phái sinh	22	70.084
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	23	160.854.092
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24	54.482.061
Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	25	107.277
Tài sản và thiết bị	26	472.372
Lợi thế thương mại và phần mềm máy tính	27	286.997
Bất động sản đầu tư	28	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	18	740.985
Tài sản Cố khác	29	10.435.540
<b>Tổng tài sản</b>	<b>246.768.340</b>	<b>227.358.928</b>
<b>Nợ phải trả</b>		
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	30	27.306
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	31	21.035.373
Nợ phải trả tài chính phái sinh	22	84.458
Tiền gửi của khách hàng	32	186.462.428
Vốn tài trợ cho vay TCTD chịu rủi ro	33	2.884.849
Cổ phiếu ưu đãi	34	2.473.347
Giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tinh vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	34	5.681.477
Giấy tờ có giá khác	34	6.654.148
Thuế phải trả Nhà nước		314.175
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	18	695.594
Các khoản nợ phải trả khác	35	3.252.041
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>229.565.196</b>	<b>212.810.581</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>		
Vốn cổ phần	36.1	10.033.257
Thặng dư vốn cổ phần		819
Các quỹ dự trữ pháp định	36.2	3.465.225
Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán		1.362.616
Lợi nhuận chưa phân phối		2.341.227
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.203.144</b>	<b>14.548.347</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>246.768.340</b>	<b>227.358.928</b>

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIỂN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kê toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Vốn cổ phần Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Các quỹ dự trữ pháp định Triệu đồng	Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	<b>7.324.270</b>	<b>1.369</b>	<b>1.324.775</b>	<b>182.244</b>	<b>2.043.893</b>	<b>10.876.551</b>
Thu nhập tổng hợp	-	-	-	981.307	2.690.489	3.671.796
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	981.307	2.690.469	2.690.469
- Lãi thuần do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	981.307
Phát hành cổ phiếu thường	57.537	-	(57.537)	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại và quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.066.997	-	-	-	(1.066.997)	-
Trích lập các quỹ	-	-	1.682.954	-	(1.682.954)	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>8.448.804</b>	<b>1.369</b>	<b>2.950.192</b>	<b>1.163.551</b>	<b>1.984.431</b>	<b>14.548.247</b>
Thu nhập tổng hợp	-	-	-	199.065	2.456.282	2.655.347
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	199.065	2.456.282	2.456.282
- Lãi thuần do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	199.065
Phát hành cổ phiếu thường	480.453	-	(480.453)	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại và quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.104.000	-	-	-	(1.104.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	995.486	-	(995.486)	-
Phi tư vấn phát hành vốn điều lệ đợt 2 năm 2017	-	(550)	-	-	-	(550)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	<b>10.033.257</b>	<b>819</b>	<b>3.465.225</b>	<b>1.362.616</b>	<b>2.341.227</b>	<b>17.203.144</b>

Trong kỳ, Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 8.448.804 triệu đồng lên 10.033.257 triệu đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu thông từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 và phát hành cổ phiếu phổ thông để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (chia cổ phiếu thường) theo Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công văn số 8341/UBCK-QLCB ngày 16 Tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 0100233583 sửa đổi số 100000000037 ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiêm Giám đốc Tài chính

Người lập:

Ông Nguyễn Đức Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

## BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>2.456.282</b>	<b>971.386</b>
<i>Điều chỉnh:</i>			
Chi phí khấu hao		114.874	82.657
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14	3.755.168	3.168.049
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	17	656.037	289.749
Lãi từ thanh lý tài sản và công cụ		(208.267)	(24.905)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động</b>		<b>6.774.094</b>	<b>4.486.936</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động và công nợ hoạt động</b>			
<i>(Tăng)/giảm về tài sản hoạt động:</i>			
Gửi và cho vay các TCTD khác		3.433.653	(300.904)
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý qua lãi/(lỗ)		(1.948.489)	406.756
Công cụ phái sinh và các tài sản tài chính khác		83.765	221.686
Cho vay và ứng trước cho khách hàng		(19.503.482)	(2.879.913)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán và tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn		1.181.503	(8.882.848)
Tài sản Cố Khác		(2.283.648)	(2.508.982)
<i>Tăng/(giảm) về công nợ hoạt động:</i>			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		(1.076.751)	(4.799.614)
Gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		(7.770.695)	11.899.853
Công cụ phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(13.957)	(100.449)
Tiền gửi của khách hàng		22.108.629	(439.596)
Vốn tài trợ cho vay TCTD chịu rủi ro		1.482.978	(56.534)
Phát hành giấy tờ có giá		2.574.924	325.876
Nợ phải trả khác		(290.109)	129.040
Thuế thu nhập thực nộp		(866.675)	(439.218)
<b>Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.885.740</b>	<b>(2.937.911)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Mua sắm tài sản và thiết bị	26	(41.293)	(44.619)
Mua sắm tài sản cố định vô hình	27	(64.262)	(15.365)
Tiền thu từ thanh lý tài sản và thiết bị		237.292	45.980
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		9.948	-
<b>Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>141.685</b>	<b>(14.004)</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		(550)	-
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		(550)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		4.026.875	(2.951.915)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		9.205.706	12.910.967
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	37	13.232.581	9.959.052
<b>Các giao dịch phi tiền tệ trọng yếu trong kỳ</b>			
Sử dụng các quỹ dự trù pháp định để tăng vốn điều lệ	36.2	480.453	57.537
Sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối để tăng vốn điều lệ		1.104.000	1.066.997

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm Giám đốc Tài chính



Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 38 ngày 10 tháng 7 năm 2017. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

### *Mạng lưới hoạt động*

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi mốt (51) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) công ty con.

### *Công ty con*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ngân hàng có hai (2) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Số	Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
1	Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB AMC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15 tháng 4 năm 2013	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ đồng Việt Nam	100%
2	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 11 năm 2016	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	2.790 tỷ đồng Việt Nam	100%

### *Nhân viên*

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 21.708 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 17.387 nhân viên).

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hợp lý, bao gồm: các tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các công cụ tài chính phái sinh, các tài sản và nợ phải trả tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh khác và các tài sản tài chính và công nợ ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ).

## 3. TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con được lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc Tế do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành.

## 4. TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngân hàng và các công ty con trình bày báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo thứ tự thanh khoản. Phân tích về thời gian thu hồi hoặc thanh toán của các khoản mục sau ngày lập báo cáo tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 42.2*.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được báo cáo giá trị gộp trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ và ghi nhận giá trị thuần khi, ngoài việc có quyền thực thi hợp pháp vô điều kiện để bù trừ các khoản tiền được ghi nhận mà không phụ thuộc vào sự kiện trong tương lai, các bên cũng có ý định thanh toán trên cơ sở rộng trong tất cả các trường hợp sau:

- ▶ Hoạt động kinh doanh thông thường;
- ▶ Sự kiện vỡ nợ;
- ▶ Sự kiện mất khả năng thanh toán hoặc phá sản của Ngân hàng và/hoặc đối tác.

## 5. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TRỌNG YẾU

### 6.1 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

#### 6.1.1 Đơn vị tiền tệ chức năng và đơn vị tiền tệ báo cáo

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Việt Nam Đồng (VND). Đối với từng công ty con, Ngân hàng xác định đơn vị tiền tệ chức năng và các khoản mục được trình bày trong báo cáo tài chính của từng đơn vị được tính bằng đơn vị tiền tệ chức năng đó. Ngân hàng và các công ty con sử dụng phương pháp hợp nhất trực tiếp.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.1 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

#### 6.1.2 Các giao dịch và số dư

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ được ghi nhận ban đầu bằng đơn vị tiền tệ chức năng theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ được quy đổi thành đơn vị tiền tệ báo cáo theo tỷ giá giao ngay tại ngày báo cáo. Tất cả chênh lệch phát sinh từ hoạt động phi kinh doanh được ghi nhận vào thu nhập/chi phí hoạt động khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản mục phi tiền tệ được đo lường theo giá gốc bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ báo cáo theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm ghi nhận.

#### 6.2 Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và đo lường sau ghi nhận

##### 6.2.1 Thời điểm ghi nhận

Tất cả các tài sản và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và tiền gửi của khách hàng, được ghi nhận ban đầu vào ngày phát sinh giao dịch, là ngày mà Ngân hàng và các công ty con trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng mua/bán các công cụ tài chính, bao gồm các giao dịch mua bán theo cách thức thông thường, trong đó các tài sản tài chính được chuyển giao trong một khoảng thời gian phù hợp với các quy định hoặc thông lệ trên thị trường. Cho vay và ứng trước cho khách hàng được ghi nhận khi tiền được chuyển đến tài khoản của khách hàng. Ngân hàng và các công ty con ghi nhận tiền gửi của khách hàng khi tiền được chuyển đến Ngân hàng và các công ty con.

##### 6.2.2 Ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, việc phân loại một công cụ tài chính phụ thuộc vào mục đích nắm giữ của Ngân hàng và các công ty con và tính chất của công cụ tài chính đó khi mua.

Ngân hàng và các công ty con phân loại các công cụ tài chính dựa trên bản chất của thông tin, cũng như các đặc điểm của các công cụ tài chính đó. Việc phân loại các công cụ tài chính được trình bày tại bảng dưới đây:

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.2 Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và đo lường sau ghi nhận (tiếp theo)

#### 6.2.2 Ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính (tiếp theo)

Danh mục (theo định nghĩa của IAS 39)	Danh mục (theo định nghĩa của Ngân hàng)	
Tài sản tài chính	Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	Chứng khoán nợ Công cụ tài chính phái sinh – không nhằm mục đích phòng vệ
		Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác
	Cho vay và phải thu	Bán lẻ
	Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	Doanh nghiệp
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	Chứng khoán nợ Chứng khoán nợ Chứng khoán vốn
Nợ phải trả tài chính	Ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	Công cụ tài chính phái sinh – không nhằm mục đích phòng vệ
		Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác
	Ghi nhận theo giá trị phân bổ	Tiền gửi của khách hàng
		Vốn tài trợ cho vay TCTD chịu rủi ro
Công cụ tài chính ngoại bảng	Hợp đồng bảo lãnh tài chính	Phát hành giấy tờ có giá
	Thư tín dụng	

Tất cả công cụ tài chính đều được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý cộng phi giao dịch liên quan đến việc mua hoặc phát hành công cụ tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ).

#### 6.2.3 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính phái sinh ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)

Công cụ tài chính phái sinh là công cụ tài chính hoặc các hợp đồng khác đồng thời thỏa mãn cả ba đặc điểm sau:

- Có giá thay đổi theo sự thay đổi của lãi suất, giá công cụ tài chính, giá hàng hóa, tỷ giá hối đoái, chỉ số giá cả hoặc lãi suất, xếp hạng tín dụng hoặc chỉ số tín dụng, hoặc các biến số khác với điều kiện các biến số này không liên quan đến các bên tham gia hợp đồng trong trường hợp các biến số này là biến số phi tài chính ("tài sản cơ sở").
- Không đổi hỏi giá trị đầu tư thuần ban đầu hoặc giá trị đầu tư thuần ban đầu nhỏ hơn giá trị thông thường được yêu cầu trong các loại hợp đồng khác có các phản ứng tương tự đối với sự thay đổi của các yếu tố thị trường.
- Được thanh toán vào một ngày trong tương lai.

Ngân hàng và các công ty con tham gia vào các giao dịch phái sinh với các đối tác khác nhau. Các giao dịch phái sinh này bao gồm hoán đổi lãi suất, hoán đổi tiền tệ và hợp đồng ngoại hối kỳ hạn. Các hợp đồng phái sinh được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.2 Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và đo lường sau ghi nhận (tiếp theo)

#### 6.2.3 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính phái sinh ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (tiếp theo)

Các công cụ tài chính phái sinh đi kèm với các công cụ tài chính khác được hạch toán như các công cụ tài chính phái sinh riêng biệt và được ghi nhận theo giá trị hợp lý nếu các công cụ tài chính đó đáp ứng được định nghĩa của công cụ tài chính phái sinh như trên, đặc điểm kinh tế và rủi ro của chúng không liên quan chặt chẽ với các đặc điểm kinh tế và rủi ro của hợp đồng gốc và hợp đồng gốc không được phân loại là nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ). Những công cụ tài chính phái sinh đi kèm, sau khi tách biệt khỏi hợp đồng gốc, được ghi nhận theo giá trị hợp lý trong danh mục kinh doanh và thay đổi giá trị hợp lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 6.2.4 Tài sản tài chính và các nợ phải trả tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh

Ngân hàng và các công ty con phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là "nắm giữ để kinh doanh" khi các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này được mua lại hoặc phát hành nhằm mục đích chính là tạo lợi nhuận trong ngắn hạn thông qua hoạt động kinh doanh hoặc là một phần của danh mục các công cụ tài chính mà theo đó, có bằng chứng gần đây cho thấy danh mục này được quản lý với mục tiêu tạo lợi nhuận trong ngắn hạn. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nắm giữ để kinh doanh được hạch toán và ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá trị hợp lý. Thay đổi trong giá trị hợp lý được ghi nhận trong "Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh". Thu nhập hoặc chi phí lãi và cổ tức được ghi nhận trong "Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh" theo các điều khoản của hợp đồng, hoặc khi quyền thụ hưởng được xác lập. Khoản mục này bao gồm các chứng khoán nợ được mua cho mục đích bán và mua lại trong thời gian gần.

#### 6.2.5 Phương pháp lãi suất thực

Lãi suất thực (EIR) là tỷ suất chính xác để chiết khấu dòng tiền ước tính được nhận hoặc phải trả trong tương lai trong thời gian đáo hạn dự kiến của công cụ tài chính hoặc, trong khoảng thời gian ngắn hơn nếu thích hợp, về giá trị ghi sổ của tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính. Giá trị phân bổ của tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính được điều chỉnh nếu Ngân hàng và các công ty con xem xét lại và thay đổi các ước tính của mình về dòng tiền được nhận hoặc phải trả. Giá trị phân bổ điều chỉnh được tính dựa trên lãi suất thực ban đầu hoặc lãi suất thực được ước tính lại mới nhất và các thay đổi này được ghi nhận vào "Thu nhập lãi và các thu nhập tương tự" đối với tài sản tài chính và "Chi phí lãi và các chi phí tương tự" đối với nợ phải trả tài chính.

#### 6.2.6 Ghi nhận lãi/lỗ "Ngày 1"

Khi giá giao dịch khác giá trị hợp lý quan sát được từ các giao dịch trên thị trường tại thời điểm giao dịch đối với cùng một công cụ tài chính, hoặc dựa trên một kỹ thuật định giá mà các biến số sử dụng chỉ bao gồm các dữ liệu quan sát từ thị trường, Ngân hàng và các công ty con ngay lập tức ghi nhận sự khác biệt giữa giá giao dịch và giá trị hợp lý (lãi/lỗ "Ngày 1") vào "Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh". Trong trường hợp giá trị hợp lý được xác định thông qua việc sử dụng các dữ liệu không thể quan sát được, sự khác biệt giữa giá giao dịch và giá trị theo mô hình định giá chỉ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các dữ liệu đầu vào này trở nên có thể quan sát được, hoặc khi ngừng ghi nhận công cụ tài chính.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.2 Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và đo lường sau ghi nhận (tiếp theo)

#### 6.2.7 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán vốn và chứng khoán nợ. Chứng khoán vốn được phân loại là sẵn sàng để bán khi không được phân loại vào nhóm nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ). Chứng khoán nợ trong danh mục là những chứng khoán nắm giữ trong một khoảng thời gian không xác định và có thể được bán để đảm bảo thanh khoản hoặc do sự thay đổi của các điều kiện thị trường. Ngân hàng và các công ty con đã không phân loại bất kỳ khoản vay hay khoản phải thu nào vào nhóm sẵn sàng để bán.

Sau khi ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong khoản mục "Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán" của báo cáo thu nhập tổng hợp khác. Khi tài sản được thanh lý, khoản lãi hoặc lỗ lũy kế được ghi nhận trong trên vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi Ngân hàng và các công ty con nắm giữ nhiều hơn một khoản đầu tư vào cùng một công cụ tài chính thì những khoản đầu tư này sẽ được thanh lý theo giá được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Lãi thu được khi nắm giữ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận như thu nhập lãi theo lãi suất thực, trong đó có tính đến các khoản chiết khấu/phụ trội và các chi phí giao dịch được bao hàm trong lợi suất của công cụ tài chính. Cổ tức thu được khi nắm giữ các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận vào khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi việc chi trả cổ tức được xác lập. Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và loại trừ khỏi khoản mục "Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán".

#### 6.2.8 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và thời hạn thanh toán cố định, đồng thời Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng để nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất thực trừ dự phòng giảm giá. Giá trị phân bổ có tính đến các khoản chiết khấu/phụ trội và các chi phí giao dịch được bao hàm khi tính lãi suất thực. Giá trị phân bổ được ghi nhận vào "Thu nhập lãi và các thu nhập tương tự" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Tồn thắt phát sinh từ việc giảm giá của tài sản tài chính trên được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong khoản mục "Chi phí hoạt động khác".

Nếu Ngân hàng và các công ty con bán hoặc phân loại lại một phần đáng kể tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn trước khi đáo hạn (ngoại trừ trong những trường hợp đặc biệt) thì toàn bộ khoản mục sẽ bị ảnh hưởng và phải được phân loại lại vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con không được phép phân loại bất cứ tài sản tài chính nào vào nhóm giữ đến ngày đáo hạn trong hai năm liên tiếp sau đó.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.2 Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và đo lường sau ghi nhận (tiếp theo)

#### 6.2.9 Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác và cho vay và ứng trước cho khách hàng

Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay, ứng trước cho khách hàng là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và không được niêm yết trên một thị trường năng động, ngoại trừ:

- ▶ Các tài sản được Ngân hàng và các công ty con nắm giữ với dự định bán ngay hoặc bán trong tương lai gần, hoặc tại thời điểm ghi nhận ban đầu, xác định là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ);
- ▶ Các tài sản đã được Ngân hàng và các công ty con phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ▶ Các tài sản mà Ngân hàng và các công ty con có thể không thu hồi phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, ngoại trừ những khoản bị sụt giảm giá trị do có rủi ro tín dụng.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản này được ghi nhận theo giá trị phân bổ được xác định bằng phương pháp lãi suất thực, trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Giá trị phân bổ được xác định sau khi đã tính đến các khoản chiết khấu hoặc phụ trội trong giá mua, phí và các chi phí được bao hàm trong lãi suất thực. Do đó, Ngân hàng và các công ty con ghi nhận thu nhập từ lãi bằng cách sử dụng tỷ suất lợi tức được ước tính tốt nhất của một tỷ suất cố định trong suốt thời gian khoản vay, theo đó, ghi nhận được tác động của sự thay đổi lãi suất trong các thời kỳ khác nhau cũng như các đặc điểm khác của vòng đời sản phẩm (trả nợ trước hạn, lãi và phí phạt).

Nếu các kỳ vọng được sửa đổi thì các điều chỉnh dương hoặc âm tương ứng với giá trị ghi sổ trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận tăng hoặc giảm vào thu nhập lãi. Việc điều chỉnh này sau đó được phân bổ lại thông qua "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Ngân hàng có thể tham gia vào một số cam kết cho vay khi khoản vay, tại thời điểm giải ngân, được kỳ vọng là sẽ được nắm giữ để kinh doanh do Ngân hàng có dự định sẽ bán khoản vay đó trong tương lai gần. Những cam kết cho vay này được ghi nhận như là các công cụ tài chính phái sinh và được đo lường bằng giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ). Khi khoản vay, tại thời điểm giải ngân, được kỳ vọng là sẽ được nắm giữ bởi Ngân hàng và không được bán trong tương lai gần, những cam kết này chỉ được ghi nhận khi đó là các hợp đồng có khả năng gây ra tổn thất đối với Ngân hàng (ví dụ khi có các sự kiện tín dụng của đối tác).

#### 6.2.10 Nợ xấu bán cho Công ty Quản lý Tài Sản Việt Nam ("VAMC")

Ngân hàng đã bán các khoản nợ xấu cho VAMC theo giá trị sổ sách theo Quyết định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 quy định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về mua, bán và xử lý nợ khó đòi của Công ty Quản lý Tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Theo phương pháp giá trị sổ sách, giá bán được xác định bằng số dư nợ xấu trừ đi khoản dự phòng cụ thể chưa sử dụng và sẽ nhận được dưới hình thức trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Các điều khoản chính để bán nợ xấu cho VAMC để đổi lấy trái phiếu đặc biệt của VAMC như sau:

- ▶ Trong thời hạn của trái phiếu đặc biệt, các khoản tiền gốc hoặc lãi do Ngân hàng thu hồi (theo ủy thác của VAMC) hoặc VAMC thu hồi ("số tiền thu hồi") phải được gửi vào tài khoản phong tỏa của VAMC mở tại Ngân hàng. Nếu Ngân hàng nhận được khoản vay tái cấp vốn sử dụng trái phiếu đặc biệt, trong vòng 5 ngày làm việc kể từ quý tiếp theo, VAMC sẽ sử dụng số tiền thu hồi để hoàn trả các khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.2 Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và đo lường sau ghi nhận (tiếp theo)

#### 6.2.10 Nợ xấu bán cho Công ty Quản lý Tài Sản Việt Nam ("VAMC") (tiếp theo)

- Trong thời gian phát hành trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập dự phòng cho các trái phiếu đặc biệt không thấp hơn mệnh giá trái phiếu vào thời điểm đáo hạn.
- VAMC được hưởng phí mua và quản lý nợ xấu của Ngân hàng.
- Ngân hàng sử dụng trái phiếu đặc biệt để mua lại nợ xấu bán cho VAMC theo giá trị sổ sách của VAMC vào ngày đáo hạn của trái phiếu nếu nợ xấu không được xử lý hoặc thu hồi hoàn toàn. Ngân hàng sẽ sử dụng khoản dự phòng đã trích lập cho các trái phiếu đặc biệt để cản trừ với số dư nợ mua lại và theo dõi các khoản nợ này ngoài bảng cân đối kế toán.

Với các điều khoản và điều kiện nêu trên, Ngân hàng đã không chuyển phần lớn rủi ro và lợi tức từ các khoản vay này cho VAMC và bảo toàn quyền thu hồi dòng tiền phát sinh từ khoản vay. Do đó, các khoản vay này không đủ điều kiện để được loại bỏ và được tiếp tục theo dõi trong danh mục cho vay của Ngân hàng. Việc hạch toán và đo lường các khoản vay này được thực hiện tương tự như các khoản cho vay và ứng trước thông thường cho khách hàng.

#### 6.2.11 Phát hành giấy tờ có giá

Những công cụ tài chính được phát hành bởi Ngân hàng và các công ty con mà không thuộc loại công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) được ghi nhận trên khoản mục "Phát hành giấy tờ có giá" khi Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ hoàn trả bằng tiền hoặc các tài sản tài chính khác cho các chủ sở hữu, hoặc thực hiện nghĩa vụ bằng các phương thức khác, nhưng không bao gồm việc trao đổi một lượng cố định tiền mặt hoặc các tài sản tài chính khác với một số lượng cổ phiếu nhất định của Ngân hàng và các công ty con.

Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản này được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Giá trị phân bổ được xác định sau khi đã tính đến các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành, các khoản phí giao dịch được bao hàm trong lãi suất thực.

Công cụ tài chính phức hợp bao gồm đồng thời cả cầu phần nợ và cầu phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận riêng biệt tại ngày phát hành. Phần nợ phải trả được ghi nhận là công nợ vào ngày phát hành căn cứ vào giá trị hợp lý (được xác định theo giá thị trường của các công cụ nợ tương tự). Phần vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị của công cụ tài chính phức hợp và giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của bất kỳ thành phần phái sinh nào trong các công cụ tài chính phức hợp (ví dụ: quyền chọn mua) không thuộc phần vốn chủ sở hữu sẽ được bao gồm trong phần nợ phải trả.

#### 6.2.12 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại trong danh mục này là những tài sản và nợ phải trả được phân loại theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc khi ghi nhận ban đầu. Ban Tổng Giám đốc chỉ có thể ghi nhận công cụ theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) trong lần ghi nhận ban đầu khi một trong các tiêu chí sau được đáp ứng và được xác định cho từng công cụ tài chính riêng biệt:

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.2 Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và đo lường sau ghi nhận (tiếp theo)

#### 6.2.12 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (tiếp theo)

- ▶ Việc phân loại này loại trừ, hoặc giảm trừ đáng kể, sự không nhất quán so với việc đo lường các tài sản hoặc nợ phải trả này cũng như việc hạch toán lãi/(lỗ) phát sinh từ các tài sản và nợ phải trả này theo một phương pháp khác;
- ▶ Tài sản và nợ phải trả là một phần của một nhóm các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc cả hai nhóm được quản lý và được định giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư; hoặc
- ▶ Công cụ tài chính bao gồm một hoặc nhiều công cụ tài chính phái sinh đi kèm, trừ khi các công cụ phái sinh đi kèm không làm ảnh hưởng đáng kể đến dòng tiền theo hợp đồng nếu không có các công cụ phái sinh này, hoặc khi xem xét một công cụ tương tự, không cần phân tích cụ thể cũng có thể thấy rõ việc tách rời công cụ phái sinh đi kèm không được phép thực hiện.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận tại giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá trị hợp lý. Những thay đổi trong giá trị hợp lý được ghi nhận tại khoản mục “*Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh và thay đổi trong giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)*”. Chi phí lãi hoặc thu nhập lãi được dồn tích, sử dụng phương pháp lãi suất thực, có tính đến mọi khoản chiết khấu/phụ trội và chi phí giao dịch hợp lý được bao hàm trong công cụ tài chính, thu nhập từ cổ tức được ghi nhận tại khoản mục “*Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh và thay đổi trong giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)*” khi quyền thu hưởng được xác lập.

#### 6.2.13 Phân loại lại tài sản tài chính

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2008, trong một số trường hợp nhất định, Ngân hàng và các công ty con được quyền phân loại lại các công cụ tài chính phi phái sinh ra khỏi nhóm nắm giữ cho mục đích kinh doanh và vào nhóm sẵn sàng để bán, cho vay và phải thu hoặc nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng và các công ty con cũng được quyền phân loại lại, trong một số trường hợp nhất định, một số công cụ tài chính ra khỏi nhóm sẵn sàng để bán và vào nhóm cho vay và phải thu. Các khoản phân loại lại được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày phân loại lại và được xem là giá trị phân bổ mới.

Nếu một tài sản tài chính được phân loại lại ra khỏi nhóm sẵn sàng để bán, các khoản thu nhập hoặc lỗ đã được ghi nhận trước đây trên khoản mục vốn sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn còn lại của khoản đầu tư theo phương pháp lãi suất thực. Các khoản chênh lệch giữa giá trị phân bổ mới và dòng tiền kỳ vọng cũng được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của tài sản theo phương pháp lãi suất thực. Nếu các tài sản này bị suy giảm giá trị trong tương lai, số dư còn lại trên khoản mục vốn sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Ngân hàng và các công ty con có thể phân loại lại một tài sản kinh doanh phi phái sinh ra khỏi nhóm nắm giữ cho mục đích kinh doanh và vào nhóm cho vay và phải thu nếu tài sản này thỏa mãn các định nghĩa của một khoản cho vay và phải thu và Ngân hàng và các công ty con có ý định và khả năng nắm giữ tài sản trong tương lai xác định hoặc đến thời điểm đáo hạn. Nếu một tài sản tài chính được phân loại lại và sau đó Ngân hàng và các công ty con gia tăng ước tính dòng tiền có thể thu hồi trong tương lai do khả năng thu hồi được cải thiện, tác động của sự gia tăng này được ghi nhận như là một khoản điều chỉnh lãi suất thực từ ngày các ước tính bị thay đổi.

Việc phân loại lại phụ thuộc vào quyết định của Ban Tổng Giám đốc cho từng công cụ tài chính riêng biệt. Ngân hàng và các công ty con không phân loại lại bất kỳ công cụ tài chính nào vào khoản mục ghi nhận giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) sau ghi nhận ban đầu.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.3 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

#### 6.3.1 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc, khi thích hợp, một phần của một tài sản tài chính hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương đồng) được ngừng ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền phát sinh từ tài sản đã hết hạn. Ngân hàng và các công ty con cũng ngừng ghi nhận tài sản nếu tài sản được chuyển giao và việc chuyển giao đáp ứng các yêu cầu cho việc ngừng ghi nhận.

Ngân hàng và các công ty con hoàn tất việc chuyển giao tài sản nếu, và chỉ nếu:

- ▶ Ngân hàng và các công ty con chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
- ▶ Ngân hàng và các công ty con không chuyển giao quyền nhận dòng tiền nhưng phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán những dòng tiền này một cách không chậm trễ, cho một bên thứ ba theo thỏa thuận "sang tay".

Thỏa thuận "sang tay" là các giao dịch mà Ngân hàng và các công ty con giữ lại quyền hợp đồng về việc nhận dòng tiền từ một tài sản tài chính ("tài sản gốc") nhưng phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán những dòng tiền này cho một hoặc nhiều bên ("người thụ hưởng cuối cùng"), khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- ▶ Ngân hàng và các công ty con không có nghĩa vụ thanh toán cho những người nhận cuối cùng trừ khi nhận được khoản tiền tương đương từ tài sản gốc. Việc Ngân hàng và các công ty con thực hiện tam ứng ngắn hạn và có quyền thu hồi đầy đủ khoản gốc kèm với lãi cộng dồn theo lãi suất thị trường không vi phạm điều kiện này.
- ▶ Ngân hàng và các công ty con không thể bán hoặc cầm cố tài sản gốc trừ trường hợp dùng tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ trả dòng tiền cho người thụ hưởng cuối cùng;
- ▶ Ngân hàng và các công ty con phải chuyển mọi dòng tiền Ngân hàng và các công ty con thu được cho người thụ hưởng cuối cùng mà không có sự chậm trễ đáng kể nào. Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con không được phép đứng ra tái đầu tư các khoản tiền này, trừ các khoản đầu tư bằng tiền mặt và tương đương tiền trong thời gian hoàn trả ngắn kể từ ngày thu đến ngày chuyển tiền đến người thụ hưởng cuối cùng, và khoản lãi thu được từ các khoản đầu tư này được chuyển cho người thụ hưởng cuối cùng.

Một giao dịch đủ điều kiện để thực hiện ngừng ghi nhận nếu:

- ▶ Ngân hàng và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của tài sản; hoặc
- ▶ Ngân hàng và các công ty con không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích của tài sản nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Liên quan đến vấn đề trên, Ngân hàng và các công ty con xác định việc kiểm soát sẽ được chuyển giao khi và chỉ khi bên nhận chuyển giao thật sự có khả năng nhượng bán toàn bộ tài sản này cho một bên thứ ba không liên quan và có khả năng đơn phương thực hiện điều này mà không cần áp đặt thêm các hạn chế cho việc chuyển giao.

Khi Ngân hàng và các công ty con chuyển giao quyền hưởng toàn bộ dòng tiền từ tài sản hay ký kết một thỏa thuận "sang tay", và chưa thực hiện chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích của tài sản hay quyền kiểm soát tài sản, Ngân hàng và các công ty con tiếp tục ghi nhận tài sản chuyển nhượng theo mức độ tiếp tục liên quan. Trong trường hợp này, Ngân hàng và các công ty con cũng thực hiện ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản chuyển nhượng và khoản nợ phải trả tương ứng được tính dựa trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Ngân hàng và các công ty con đã giữ lại.

Khi việc tiếp tục liên quan đến một tài sản được thể hiện dưới dạng bảo lãnh cho tài sản chuyển nhượng, thì mức độ liên quan sẽ là giá trị nhỏ hơn của giá trị của tài sản và số tiền tối đa mà Ngân hàng và các công ty con có thể được yêu cầu phải chi trả.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.3 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

#### 6.3.1 Tài sản tài chính (tiếp theo)

Khi việc tiếp tục liên quan đến một tài sản được thể hiện dưới dạng quyền chọn mua hoặc bán (hoặc cả hai) đổi với tài sản chuyển nhượng, mức độ liên quan đến tài sản sẽ là giá trị mà Ngân hàng và các công ty con có thể mua lại tài sản chuyển nhượng. Tuy nhiên, trong trường hợp quyền chọn bán đổi với tài sản chuyển nhượng được xác định theo giá trị hợp lý, mức độ liên quan của Ngân hàng và các công ty con được giới hạn là giá trị nhỏ hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản chuyển nhượng và giá thực hiện quyền chọn.

Ngân hàng và các công ty con cũng ngừng ghi nhận một tài sản tài chính, cụ thể là khoản cho vay khách hàng, khi các điều khoản và điều kiện của khoản vay ban đầu được thỏa thuận và điều chỉnh lớn đến mức mà các khoản vay này cơ bản trở thành một khoản cho vay mới. Trong trường hợp này, khoản chênh lệch được ghi nhận như một khoản giảm giá trị vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 6.3.2 Nợ phải trả tài chính

Một khoản nợ phải trả tài chính được ngừng ghi nhận khi nghĩa vụ của khoản nợ phải trả được miễn trừ hoặc hủy bỏ hoặc hết hạn. Khi một khoản nợ phải trả tài chính hiện tại được thay thế bởi một khoản nợ phải trả tài chính khác bởi cùng một bên cho vay dưới các điều khoản khác nhau đáng kể, hoặc điều khoản của khoản nợ phải trả hiện tại bị thay đổi đáng kể, một sự trao đổi hay sửa đổi như trên được hạch toán tương tự việc ngừng ghi nhận khoản nợ gốc ban đầu và ghi nhận một khoản nợ mới. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ phải trả tài chính gốc và khoản tiền phải trả được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 6.4 Hợp đồng mua lại và hợp đồng bán lại

Chứng khoán bán theo hợp đồng mua lại vào một ngày xác định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ vì Ngân hàng và các công ty con giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu. Các khoản tiền thu được tương ứng từ các hợp đồng này và các trách nhiệm phải trả tương ứng đối với các khoản tiền nhận được trên, bao gồm các khoản lãi phải trả, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như một khoản nợ phải trả nhằm mục đích phản ánh bản chất kinh tế của các giao dịch trên như một khoản vay của Ngân hàng và các công ty con. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại là chi phí lãi vay và được dồn tích trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi bên đối tác có quyền bán hoặc tái cầm cố chứng khoán, Ngân hàng thực hiện phân loại lại sang tài sản tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh dùng để thế chấp hoặc sang tài sản tài chính sẵn sàng để bán để thế chấp, nếu thích hợp.

Ngược lại, chứng khoán mua theo hợp đồng và bán lại tại một ngày xác định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản phải thu được thanh toán, bao gồm lãi dự thu, được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất phản ánh bản chất kinh tế của giao dịch như một khoản cho vay của Ngân hàng. Chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận trong thu nhập lãi thuần và được dồn tích trong suốt thời hạn hợp đồng sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nếu chứng khoán được mua theo hợp đồng bán lại và được bán cho bên thứ ba, nghĩa vụ trả lại chứng khoán được ghi nhận là một khoản bán không trong danh mục nợ phải trả tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được xác định tại giá trị hợp lý với bất kỳ khoản lãi/(lỗ) nào trong "Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh".

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.5 Dự phòng tổn thất tài sản tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Ngân hàng và các công ty con đánh giá về khả năng có các bằng chứng khách quan về việc giảm giá của một hoặc một nhóm tài sản tài chính. Một tài sản tài chính hoặc nhóm tài sản tài chính được đánh giá là có khả năng giảm giá trị khi và chỉ khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng xảy ra giảm giá trị của tài sản do một hay nhiều sự kiện xảy ra sau ngày ghi nhận giá trị ban đầu ("sự kiện gây tổn thất" đã xảy ra), và ảnh hưởng của một sự kiện (hay nhiều sự kiện) gây tổn thất này đến các dòng tiền ước tính trong tương lai của tài sản tài chính hoặc nhóm tài sản tài chính có thể được xác định một cách tin cậy.

Bằng chứng về sự suy giảm giá trị có thể bao gồm dấu hiệu cho thấy một khách hàng vay hoặc một nhóm khách hàng vay đang gặp khó khăn nghiêm trọng về mặt tài chính; khả năng cho thấy khách hàng vay sẽ bị phá sản hoặc phải tái cơ cấu về mặt tài chính; trễ hạn hoặc mất khả năng thanh toán lãi và gốc và có dữ liệu cho thấy có sự suy giảm có thể ước tính được của dòng tiền thu được trong tương lai, ví dụ như các thay đổi diễn ra sau đó hoặc dấu hiệu kinh tế liên quan đến phá sản.

#### 6.5.1 Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ

Đối với tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ (như tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng, và tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn), Ngân hàng và các công ty con đánh giá liệu có tồn tại bằng chứng khách quan về sự suy giảm giá trị của các tài sản tài chính mà được coi là trọng yếu một cách riêng lẻ hoặc đang được xem xét bởi Ban Tổng Giám đốc.

Nếu có bằng chứng khách quan cho thấy đã phát sinh một khoản tổn thất do sự giảm giá, thì khoản tổn thất được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá trị sổ sách của tài sản và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai (không tính đến tổn thất tín dụng ước tính trong tương lai chưa phát sinh). Giá trị sổ sách của tài sản được ghi giảm thông qua việc sử dụng khoản mục dự phòng và khoản lỗ được ghi nhận như "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Thu nhập lãi tiếp tục được dự thu theo quy tắc thông thường. Thu nhập lãi được ghi nhận vào khoản mục "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự".

Các khoản cho vay và ứng trước và khoản dự phòng tương ứng sẽ bị ghi giảm khi không có triển vọng thực tế về việc thu hồi trong tương lai và tất cả các tài sản thế chấp đã được xử lý hoặc đã được chuyển giao cho Ngân hàng và các công ty con. Nếu trong năm kế tiếp, chi phí do giá trị giảm giá ước tính tăng hoặc giảm do một sự kiện xảy ra sau khi sự giảm giá đã được ghi nhận thì khoản chi phí đã được ghi nhận trước đó được tăng hoặc giảm (nhưng chỉ đến khi giá trị sổ sách có sự giảm giá không được ghi nhận) bằng cách điều chỉnh khoản mục dự phòng. Nếu một khoản nợ trong tương lai được thu hồi sau khi đã xử lý, khoản thu hồi này sẽ được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động khác".

Giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai ước tính được chiết khấu theo lãi suất thực ban đầu của tài sản tài chính. Nếu khoản cho vay có lãi suất thay đổi định kỳ, lãi suất chiết khấu dùng để ghi nhận khoản tổn thất do sự suy giảm giá trị là lãi suất thực hiện hành. Nếu Ngân hàng và các công ty con phân loại lại tài sản nắm giữ cho mục đích kinh doanh sang các khoản cho vay và ứng trước, lãi suất chiết khấu dùng để ghi nhận khoản tổn thất do sự suy giảm giá trị (nếu có) là lãi suất thực mới được xác định tại ngày phân loại lại. Việc tính giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai được ước tính từ tài sản bảo đảm phản ánh dòng tiền có thể thu được từ việc thanh lý tài sản trừ chi phí để thu hồi và bán tài sản, không kể đến khả năng thực sự thực hiện thu hồi và thanh lý tài sản.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.5 *Dự phòng tổn thất tài sản tài chính* (tiếp theo)

#### 6.5.1 *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ* (tiếp theo)

Để thực hiện tính giá trị tổn thất theo nhóm, tài sản tài chính được chia thành nhóm trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng và các công ty con, trong đó có xem xét đến các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng như loại sản phẩm và tình trạng quá hạn của từng nhóm khách hàng.

Dòng tiền thu được từ một nhóm tài sản tài chính được đánh giá giảm giá theo nhóm được ước tính trên cơ sở thông tin tổn thất trong quá khứ và kinh nghiệm thu hồi đối với các tài sản tài chính khác tương tự như các tài sản tài chính trong nhóm. Phương pháp luận và các giả định được sử dụng trong việc ước tính dòng tiền tương lai được xem xét lại định kỳ để giảm thiểu khác biệt giữa mức độ tổn thất ước tính và mức độ tổn thất thực tế.

#### 6.5.2 *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tại cuối mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Ngân hàng và các công ty con đánh giá liệu có tồn tại bằng chứng khách quan về sự suy giảm giá trị của các tài sản tài chính hay không.

Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, Ngân hàng và các công ty con sẽ đánh giá riêng từng trường hợp để xác định liệu có những bằng chứng khách quan về sự giảm giá ví dụ như dữ liệu quan sát được về sự suy giảm của các luồng tiền trong tương lai hoặc sự sụt giảm các tài sản thế chấp (trong trường hợp tài sản bảo đảm mà Ngân hàng và các công ty con kỳ vọng đảm bảo thu hồi bằng việc thanh lý tài sản bảo đảm) ảnh hưởng đến khả năng thu hồi toàn bộ dòng tiền của Ngân hàng và các công ty con.

Số tiền ghi nhận tổn thất do giảm giá là khoản tổn thất luỹ kế được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý hiện hành, trừ đi phần dự phòng giảm giá của khoản đầu tư này đã được ghi nhận trước đó trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thu nhập lãi trong tương lai được tính dựa trên giá trị ghi sổ mới và được ghi nhận dựa trên lãi suất đã được dùng để ước tính giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai cho mục đích tính toán tổn thất giảm giá.

Thu nhập từ lãi được ghi nhận là một phần của "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự". Nếu trong kỳ tiếp theo, giá trị hợp lý của một công cụ nợ tăng lên và sự tăng này có thể liên quan một cách khách quan đến một sự kiện tín dụng xảy ra sau khi sự giảm giá được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản suy giảm này được hoàn nhập thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp các đầu tư vốn được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các bằng chứng khách quan cho việc suy giảm giá trị bao gồm:

- Sự suy giảm "đáng kể" và "kéo dài" trong giá trị hợp lý của khoản đầu tư dưới mức giá ghi nhận; và/hoặc
- Thông tin khác về tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của nhà phát hành.

Thông thường, Ngân hàng và các công ty con đánh giá mức "đáng kể" là 20% và mức "kéo dài" là lớn hơn sáu tháng. Khi có bằng chứng về sự suy giảm giá trị, tổn thất luỹ kế được tính bằng chênh lệch giữa giá mua vào và giá trị hợp lý hiện tại, trừ đi phần giảm giá của khoản đầu tư này đã được ghi nhận trước đó trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tổn thất luỹ kế bị loại bỏ khỏi vốn chủ sở hữu và được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tổn thất do suy giảm giá trị của các đầu tư vốn không được hoàn nhập thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; tăng giá trị hợp lý sau khi khoản suy giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo thu nhập tổng hợp khác hợp nhất.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.5 Dự phòng tổn thất tài sản tài chính (tiếp theo)

#### 6.5.3 Các khoản vay được thỏa thuận lại

Ngân hàng và các công ty con đổi khi nhượng bộ hoặc sửa đổi các điều khoản ban đầu của khoản vay để phù hợp với những khó khăn tài chính của bên đi vay, thay vì thực hiện thu hồi và thanh lý tài sản thế chấp. Ngân hàng và các công ty con cần nhắc việc thỏa thuận lại các khoản vay khi việc nhượng bộ hoặc điều chỉnh này là phù hợp với các khó khăn tài chính hiện tại và kỳ vọng của bên đi vay và Ngân hàng và các công ty con sẽ không đồng ý thực hiện nghiệp vụ này khi tình trạng tài chính của bên đi vay ổn định. Các chỉ số thể hiện khó khăn về tài chính bao gồm không trả được khoản vay, tình trạng quá hạn hoặc những quan ngại về rủi ro tín dụng khác. Thỏa thuận lại khoản vay bao gồm việc gia hạn thời hạn vay và thay đổi các điều khoản cho khoản vay mới. Khi các điều khoản đã được thương lượng, việc xác định tồn thắt suy giảm giá trị nếu có được tính dựa trên lãi suất thực ban đầu trước khi điều khoản được thay đổi. Chính sách của Ngân hàng và các công ty con là thực hiện quản lý các khoản vay được thỏa thuận lại để đảm bảo việc trả nợ trong tương lai của khách hàng là khả thi và Ngân hàng và các công ty con kỳ vọng sẽ không phải chịu tổn thất từ suy giảm giá trị khi chiết khấu dòng tiền tương lai mới bằng lãi suất thực ban đầu. Nếu quy trình này phát hiện một khoản tổn thất nào liên quan đến một khoản mục cho vay, khoản mục này sẽ được báo cáo và giám sát để tính tổn thất suy giảm giá trị cho đến khi được thu hồi hoặc xóa bỏ hoàn toàn.

#### 6.5.4 Định giá tài sản bảo đảm

Ngân hàng và các công ty con khuyến khích việc sử dụng các phương pháp bảo đảm, khi có thể, để hạn chế rủi ro đối với các tài sản tài chính. Các tài sản bảo đảm được cầm cố, thế chấp dưới nhiều dạng khác nhau như tiền mặt, chứng khoán, thư bảo lãnh, thư tín dụng, bất động sản, khoản phải thu, hàng tồn kho, và các tài sản phi tài chính khác. Giá trị hợp lý của tài sản bảo đảm được thường xuyên đánh giá và cập nhật. Trong mức độ cho phép, Ngân hàng và các công ty con sử dụng thông tin từ thị trường năng động để đánh giá các tài sản tài chính nắm giữ là tài sản bảo đảm. Các tài sản tài chính khác không được giao dịch trên thị trường năng động được định giá theo các mô hình định giá thích hợp. Các tài sản phi tài chính như bất động sản, được đánh giá dựa trên thông tin cung cấp bởi các bên thứ ba như môi giới bất động sản, chỉ số giá nhà đất, báo cáo tài chính đã kiểm toán và các nguồn độc lập khác.

#### 6.5.5 Thu hồi tài sản thế chấp

Chính sách của Ngân hàng và các công ty con là xác định xem một tài sản đã thu hồi có thể được sử dụng tốt nhất cho các hoạt động nội bộ hay nên thanh lý. Tài sản được xác định là hữu dụng cho hoạt động nội bộ được chuyển sang danh mục tài sản liên quan ở giá trị thấp hơn của giá trị có thể thu hồi và giá trị sổ sách của tài sản bảo đảm. Tài sản bảo đảm được xác định sẽ được thanh lý được chuyển thành khoản mục tài sản nắm giữ để kinh doanh ở giá trị hợp lý hoặc giá trị hợp lý trừ chi phí thanh lý ước tính đối với các tài sản phi tài chính tại ngày thu hồi tuân thủ theo chính sách của Ngân hàng.

## 6.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là hợp đồng thuê tài sản, hay bao gồm hợp đồng thuê tài sản, hay không được dựa trên bản chất của thỏa thuận đó thông qua xem xét liệu thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

### 6.6.1 Ngân hàng và các công ty con với vai trò là bên đi thuê

Các hợp đồng thuê trong đó không chuyển giao phần lớn tất cả các rủi ro và lợi ích của chủ sở hữu tài sản cho Ngân hàng và các công ty con là thuê hoạt động. Việc thanh toán chi phí thuê hoạt động được ghi nhận là một khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở phân bổ đều theo thời hạn cho thuê. Các khoản công nợ tiềm ẩn liên quan đến hoạt động thuê được ghi nhận là chi phí trong kỳ có sự kiện tiềm ẩn phát sinh.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

#### 6.6.2 Ngân hàng và các công ty con với vai trò là bên cho thuê

Các hợp đồng thuê trong đó Ngân hàng và các công ty con không chuyển giao phần lớn tất cả các rủi ro và lợi ích của chủ sở hữu tài sản được phân loại là thuê hoạt động. Thu nhập từ cho thuê được ghi nhận là thu nhập được dựa trên các điều khoản hợp đồng của hợp đồng thuê trong "Thu nhập hoạt động khác". Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh cho việc thỏa thuận hợp đồng thuê được tính vào giá trị của tài sản cho thuê và được phân bổ theo thời hạn cho thuê tương tự như thu nhập cho thuê. Các khoản phải thu tiềm ẩn liên quan đến hoạt động thuê được ghi nhận là doanh thu trong kỳ có sự kiện tiềm ẩn phát sinh.

#### 6.7 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập được ghi nhận khi Ngân hàng và các công ty con chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và giá trị của khoản thu nhập này có thể xác định một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể cần thỏa mãn trước khi ghi nhận thu nhập bao gồm:

##### 6.7.1 Thu nhập/chi phí lãi và các khoản thu nhập/chi phí tương tự

Đối với các công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ, các tài sản sinh lãi được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ, chi phí và thu nhập lãi được ghi nhận theo lãi suất thực. Lãi suất thực là lãi suất được dùng để chiết khấu dòng tiền thu hồi được trong tương lai về giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính trong suốt thời gian nắm giữ công cụ tài chính hoặc một khoảng thời gian ngắn hơn, nếu phù hợp. Những tính toán này đã tính đến tất cả điều khoản của hợp đồng của các công cụ tài chính (ví dụ: quyền chọn trả trước) và bao gồm bất kỳ khoản phí hoặc chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá trị của các công cụ và được bao hàm trong lãi suất thực, nhưng không bao gồm là tổn thất tín dụng trong tương lai.

Khi giá trị ghi sổ của một tài sản tài chính trong một nhóm các tài sản tài chính tương tự bị giảm do suy giảm giá trị, thu nhập từ lãi vẫn tiếp tục được ghi nhận sử dụng lãi suất được sử dụng để chiết khấu các luồng tiền trong tương lai cho mục đích đo lường sự tổn thất suy giảm giá trị này.

##### 6.7.2 Thu phí từ hoạt động dịch vụ

Ngân hàng và các công ty con thu phí hoạt động dịch vụ từ các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được chia làm hai nhóm sau:

► *Thu nhập từ cung cấp các dịch vụ trong một khoảng thời gian xác định*

Phí thu từ cung cấp các dịch vụ trong một khoảng thời gian được dự thu trong suốt khoảng thời gian đó. Những loại phí này bao gồm phí hoa hồng, phí quản lý tài sản và phí từ các dịch vụ quản lý và tư vấn khác.

► *Thu nhập từ phần không tách rời của các công cụ tài chính tương ứng*

Các khoản phí mà Ngân hàng và các công ty con coi là một bộ phận không tách rời của các công cụ tài chính tương ứng bao gồm: phí giải ngân khoản vay, phí cam kết cho vay đối với các khoản cho vay có thể được giải ngân và các khoản phí liên quan đến tín dụng khác. Việc ghi nhận các khoản phí này (cùng với khoản chi phí gia tăng bất kỳ) tạo thành một bộ phận không thể tách rời của các công cụ tài chính tương ứng và được ghi nhận là thu nhập lãi thông qua điều chỉnh lãi suất thực. Trường hợp ngoại lệ, khi khoản vay có thể không được giải ngân, khoản phí cam kết cho vay được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.7 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

#### 6.7.3 Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức (bao gồm cả tài sản tài chính sẵn sàng để bán) được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và các công ty con được xác lập, thông thường là khi Đại hội đồng Cổ đông của bên phát hành thông qua quyết định chi trả cổ tức.

#### 6.7.4 Thu nhập từ hoạt động kinh doanh

Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm tất cả lãi và lỗ do thay đổi giá trị hợp lý và thu nhập lãi, chi phí lãi có liên quan và cổ tức của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

#### 6.8 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng bạc, đá quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi không kỳ hạn hoặc tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (3) tháng tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản mục thấu chi và tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán có ngày đáo hạn trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày mua.

#### 6.9 Tài sản và thiết bị

Tài sản và thiết bị (bao gồm cả trang thiết bị Ngân hàng và các công ty con cho thuê hoạt động) được ghi nhận theo nguyên giá không bao gồm chi phí vận hành và bảo dưỡng phát sinh hàng ngày, trừ khấu hao và các khoản giảm giá trị lũy kế. Thay đổi thời gian sử dụng hữu ích được ghi nhận phù hợp bằng việc thay đổi thời gian khấu hao hoặc phương pháp khấu hao và được coi là thay đổi trong ước tính kế toán.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thiết bị để khấu trừ nguyên giá về giá trị còn lại. Thời gian sử dụng ước tính của các nhóm tài sản và thiết bị như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn và xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

Tài sản và thiết bị được ngừng ghi nhận khi thanh lý hoặc được kỳ vọng không đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng. Bất cứ khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc ngừng ghi nhận tài sản (chênh lệch giữa giá trị thu được từ việc thanh lý và giá trị còn lại của tài sản) được ghi nhận vào khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tại kỳ mà tài sản được ngừng ghi nhận.

Quyền sử dụng đất hữu hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

#### 6.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được ghi nhận bằng phương pháp hợp nhất kế toán. Phương pháp này liên quan đến việc ghi nhận các tài sản (bao gồm các tài sản vô hình chưa được ghi nhận trước đó) và nợ phải trả (bao gồm các công nợ tiềm ẩn nhưng ngoại trừ các khoản tài sản trong tương lai) của tổ chức được hợp nhất theo giá trị hợp lý. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phi hợp nhất kinh doanh và giá trị hợp lý của tài sản ròng xác định được sẽ được ghi nhận là lợi thế thương mại. Trong trường hợp giá phi hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn giá trị hợp lý của tài sản ròng xác định được, phần chiết khấu này sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thực hiện hoạt động hợp nhất kinh doanh.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần vượt trội của giá trị hợp nhất kinh doanh so với lợi ích của Ngân hàng đối với giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả và các công nợ tiềm ẩn.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được ghi nhận bằng giá gốc trừ phần suy giảm giá trị lũy kế. Lợi thế thương mại được đánh giá suy giảm giá trị mỗi năm, hoặc thường xuyên hơn nếu có những sự kiện hoặc những thay đổi cho thấy có thể có sự suy giảm giá trị. Để đánh giá sự suy giảm giá trị, kể từ ngày hợp nhất, lợi thế thương mại được phân bổ vào các đơn vị kinh doanh riêng lẻ hay nhóm các đơn vị kinh doanh của Ngân hàng nhận được lợi ích từ sự hợp nhất kinh doanh, bất kể các tài sản hay nợ phải trả nhận được từ hợp nhất kinh doanh có được phân bổ cho đơn vị kinh doanh đó hay không. Mỗi đơn vị kinh doanh được phân bổ lợi thế thương mại đại diện cho cấp bậc thấp nhất trong nội bộ Ngân hàng mà tại đó lợi thế thương mại được theo dõi cho mục đích quản lý nội bộ và không lớn hơn một bộ phận kinh doanh được quy định trong IFRS 8 - "Bộ phận kinh doanh".

Khi lợi thế thương mại được phân bổ cho một đơn vị kinh doanh (hoặc nhóm các đơn vị kinh doanh) và một phần hoạt động của đơn vị đó bị dừng hoạt động, phần lợi thế thương mại gắn liền với phần hoạt động bị dừng được bao gồm trong giá trị còn lại của phần hoạt động này để xác định lãi hoặc lỗ của việc thanh lý. Lợi thế thương mại trong những trường hợp này được đo lường theo giá trị tương đối của phần hoạt động bị dừng và tỷ lệ của đơn vị kinh doanh được tiếp tục hoạt động.

Khi công ty con được thanh lý, chênh lệch giữa giá bán và giá trị thuần của tài sản cộng chênh lệch tỷ giá lũy kế, công cụ phòng vệ rủi ro dòng tiền, quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán và lợi thế thương mại được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 6.11 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình của Ngân hàng và các công ty con là phần mềm máy vi tính.

Một tài sản vô hình chỉ được ghi nhận khi nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy và có thể sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng và các công ty con khi sử dụng tài sản đó.

Tài sản vô hình được mua riêng lẻ được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của tài sản vô hình phát sinh trong quá trình hợp nhất là giá trị hợp lý của tài sản tại ngày hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản vô hình sẽ được ghi nhận theo nguyên giá trừ hao mòn và các khoản suy giảm giá trị lũy kế.

Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản vô hình có thể hữu hạn hoặc không có thời hạn. Tài sản vô hình hữu hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Thời gian khấu hao và phương pháp tính khấu hao của tài sản vô hình có thời hạn được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm. Thay đổi thời gian sử dụng hoặc cách thức mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản vô hình sẽ dẫn tới thay đổi thời gian hoặc phương pháp tính khấu hao và được xem như thay đổi ước tính kế toán. Chi phí khấu hao của tài sản vô hình hữu hạn được trình bày riêng biệt trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tại mục chi phí hoạt động khác.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.12 Suy giảm giá trị của tài sản phi tài chính

Tại ngày báo cáo, Ngân hàng và các công ty con đánh giá khả năng bị suy giảm giá trị của các tài sản. Nếu có bằng chứng cho thấy tồn tại khả năng suy giảm giá trị hoặc việc kiểm tra thường niên về việc suy giảm giá trị là cần thiết, Ngân hàng và các công ty con thực hiện ước tính giá trị có thể thu hồi của tài sản. Giá trị thu hồi của một tài sản là giá trị lớn hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản trừ chi phí thanh lý và giá trị sử dụng của tài sản. Khi giá trị ghi sổ của tài sản cao hơn giá trị thu hồi của nó, tài sản được xem là suy giảm giá trị và phải được ghi giảm đến giá trị thu hồi của nó.

Để xác định giá trị sử dụng, luồng tiền tương lai ước tính được chiết khấu về hiện tại sử dụng lãi suất chiết khấu trước thuế để phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và các rủi ro cụ thể liên quan đến tài sản đó. Trong việc xác định giá trị hợp lý trừ chi phí thanh lý tài sản, một mô hình định giá thích hợp được sử dụng. Việc đo lường này có thể sử dụng phương pháp định giá so sánh, giá cổ phiếu niêm yết cho những công ty được giao dịch đại chúng hoặc những chỉ tiêu giá trị hợp lý khác sẵn có.

Đối với các tài sản (không bao gồm lợi thế thương mại), tại ngày báo cáo, Ngân hàng và các công ty con đánh giá liệu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy các tổn thất được ghi nhận trước đây không còn tồn tại hoặc đã giảm. Trong trường hợp này, Ngân hàng và các công ty con ước tính giá trị thu hồi của tài sản. Các tổn thất đã được ghi nhận trước đây chỉ được hoàn nhập khi có sự thay đổi trong giả định được sử dụng để xác định giá trị thu hồi của tài sản từ lần ghi nhận tổn thất sau cùng. Giá trị hoàn nhập chỉ được ghi nhận đến mức giá trị sổ sách của tài sản không vượt giá trị thu hồi của nó và không vượt giá trị sổ sách sau khi trừ khau hao, trong trường hợp không tính đến giá trị tổn thất đã ghi nhận trong các năm trước. Giá trị hoàn nhập này được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản tổn thất suy giảm giá trị liên quan đến lợi thế thương mại không hoàn nhập trong các kỳ kế toán tiếp theo. Ngân hàng và các công ty con không phải ghi nhận sự suy giảm giá trị tài sản phi tài chính nào trong các kỳ báo cáo.

### 6.13 Bảo lãnh tài chính

Trong quá trình kinh doanh thông thường, Ngân hàng phát hành bảo lãnh tài chính, bao gồm thư tín dụng, bảo lãnh và chấp phiếu. Bảo lãnh tài chính ban đầu được ghi nhận trong báo cáo tài chính tại giá trị hợp lý, là mức phí bảo lãnh nhận được. Sau khi ghi nhận ban đầu, khoản nợ phải trả của Ngân hàng theo từng khoản bảo lãnh được xác định bằng số tiền gốc được ghi nhận ban đầu trừ đi số phần bồi lũy kế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và ước tính tốt nhất của chi phí cần để thanh toán bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào phát sinh, tùy giá trị nào lớn hơn.

Bất kỳ sự gia tăng nghĩa vụ nào liên quan đến bảo đảm tài chính được ghi nhận là việc giải ngân bắt buộc vào khoản mục cho vay và ứng trước cho khách hàng trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản phí bảo lãnh nhận được sẽ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tại "Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ".

### 6.14 Lợi ích của nhân viên

#### 6.14.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không có một nghĩa vụ nào khác.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.14 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

#### 6.14.2 Trợ cấp thôi việc và mất việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

#### 6.14.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

### 6.15 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ (theo luật định hoặc thỏa thuận) phát sinh từ những sự kiện quá khứ và chắc chắn rằng nghĩa vụ phải thanh toán sẽ làm giảm các lợi ích kinh tế và giá trị của các nghĩa vụ phải thanh toán này có thể được ước tính một cách đáng tin cậy. Khi ảnh hưởng của giá trị thời gian của tiền là đáng kể, Ngân hàng và các công ty con xác định mức dự phòng bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến với lãi suất trước thuế tương ứng mức lãi suất hiện tại của khoản phải trả đó. Chi phí liên quan đến bất kỳ khoản dự phòng nào được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, trừ các khoản hoàn trả, trong "Chi phí hoạt động khác".

### 6.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### 6.16.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

#### 6.16.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Khi thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản vốn góp liên doanh khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

#### 6.16.2 Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là lợi nhuận hoặc chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ thuế đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính sẵn sàng để bán được tính vào báo cáo thu nhập tổng hợp khác. Các ngoại lệ này sau đó sẽ được phân loại lại từ báo cáo thu nhập tổng hợp khác sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với khoản lỗ hoặc lợi nhuận hoãn lại tương ứng. Ngân hàng và các công ty con cũng ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu số thuế phát sinh của các khoản thanh toán và chi phí phát sinh liên quan đến các công cụ tài chính được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các công ty con chỉ cần trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện cần trừ và Ngân hàng và các công ty con có ý định thanh toán theo giá trị ròng.

### 6.17 Tài sản ủy thác

Ngân hàng và các công ty con cung cấp các dịch vụ uỷ thác tài sản và các dịch vụ ủy thác khác, trong đó Ngân hàng và các công ty con thay mặt khách hàng nắm giữ tài sản hoặc thực hiện đầu tư tài sản. Tài sản được nắm giữ trong phạm vi uỷ thác không được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vì không phải là tài sản của Ngân hàng và các công ty con trừ khi các tài sản đáp ứng các điều kiện ghi nhận.

### 6.18 Cổ tức đối với cổ phiếu phổ thông

Cổ tức đối với cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là nợ phải trả và được trích từ vốn chủ sở hữu khi được các cổ đông của Ngân hàng thông qua. Cổ tức trong kỳ sẽ được trừ khỏi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng khi đã được công bố và việc trả các cổ tức này sẽ không còn nằm trong phạm vi quyết định của Ngân hàng.

Cổ tức của năm tài chính được thông qua sau ngày lập báo cáo (nếu có) được trình bày như một sự kiện sau ngày lập báo cáo.

### 6.19 Quỹ dự trữ vốn chủ sở hữu

Các quỹ dự trữ được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu ("Thu nhập tổng hợp khác") được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và của các công ty con bao gồm:

- ▶ Quỹ dự trữ tài sản tài chính sẵn sàng để bán, trong đó bao gồm thay đổi về giá trị hợp lý của tài sản tài chính sẵn sàng để bán.
- ▶ Các quỹ dự trữ vốn chủ sở hữu khác, trong đó bao gồm một phần của các khoản phải trả là các công cụ tài chính phức hợp thỏa mãn điều kiện được ghi nhận như vốn chủ sở hữu.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.20 Các quỹ pháp định

#### 6.20.1 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 57/2012/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Trích lập hàng năm	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam	25% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Ngân hàng và các công ty con trích lập dự phòng dựa trên kết quả kinh doanh theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam vào cuối năm tài chính.

#### 6.20.2 Các quỹ dự trữ của các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, VPB AMC trích lập các quỹ được thực hiện tương tự như Ngân hàng.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, VPB AMC không phải trích Quỹ dự phòng tài chính. Theo đó, VPB AMC đã ra quyết định kết chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển.

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012, VPB FC thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

### 6.21 Các chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Các chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực cho đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được liệt kê dưới đây. Ngân hàng và các công ty con dự kiến sẽ tiến hành áp dụng khi những chuẩn mực này có hiệu lực.

#### IFRS 9 - Công cụ tài chính

Tháng 7 năm 2014, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ("IASB") đã ban hành phiên bản cuối cùng của IFRS 9 - Công cụ tài chính. Phiên bản này phản ánh tất cả các giai đoạn của dự án về công cụ tài chính, đồng thời thay thế IAS 39 - Công cụ tài chính: Ghi nhận và Đo lường và tất cả các bản thảo trước đó của IFRS 9. Chuẩn mực này đưa ra các yêu cầu mới cho việc phân loại và đo lường, suy giảm giá trị và kế toán phòng ngừa rủi ro. IFRS 9 có hiệu lực đối với các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2018 và cho phép áp dụng sớm. Việc áp dụng sớm các phiên bản trước của IFRS 9 (năm 2009, 2010 và 2013) được cho phép nếu ngày bắt đầu áp dụng là trước ngày 1 tháng 2 năm 2015. Việc áp dụng IFRS 9 sẽ có ảnh hưởng đến việc phân loại và đo lường các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con, nhưng không ảnh hưởng đến việc phân loại và đo lường các khoản phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 6.21 Các chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực (tiếp theo)

#### *IFRS 15 - Doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng*

IFRS 15 được ban hành vào tháng 5 năm 2014. Chuẩn mực này thiết lập mô hình năm bước mới áp dụng cho việc ghi nhận doanh thu phát sinh từ các hợp đồng với khách hàng. Theo IFRS 15, doanh thu được ghi nhận theo giá trị phản ánh số tiền mà Ngân hàng và các công ty con ước tính sẽ nhận được từ việc trao đổi hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng. IFRS 15 đưa ra các nguyên tắc hỗ trợ việc đo lường và ghi nhận doanh thu một cách khoa học và có cấu trúc hơn. Chuẩn mực này áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp và thay thế các hướng dẫn về ghi nhận doanh thu trước đó theo IFRS. Theo đó, Ngân hàng và các công ty con có thể áp dụng hồi tố toàn bộ hoặc một phần cho các năm tài chính từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2018 và được phép áp dụng sớm. Ngân hàng hiện đang đánh giá các tác động của IFRS 15 và có kế hoạch áp dụng các tiêu chuẩn mới vào ngày hiệu lực của chuẩn mực.

#### *IFRS 16 – Thuê tài sản*

IASB ban hành IFRS 16 – Thuê tài sản vào tháng 1 năm 2016 để hạch toán các giao dịch thuê tài sản. Chuẩn mực mới không thay đổi đáng kể việc hạch toán đối với bên cho thuê, tuy nhiên, đòi hỏi bên đi thuê phải ghi nhận hầu hết các hợp đồng cho thuê tài sản là nợ thuê trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất với quyền sử dụng tài sản tương ứng. Bên đi thuê phải áp dụng một phương pháp ghi nhận duy nhất cho tất cả các hợp đồng thuê, nhưng sẽ có quyền lựa chọn không ghi nhận các hợp đồng thuê ngắn hạn và thuê tài sản "có giá trị thấp". Nhìn chung, tiêu chuẩn công nhận lãi/(lỗ) cho thuê tài sản sẽ giống như kế toán cho thuê tài chính hiện nay, với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao được ghi nhận riêng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. IFRS 16 có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2019. Việc áp dụng sớm hơn được chấp nhận khi đơn vị đồng thời áp dụng với chuẩn mực về thu nhập, IFRS 15, trong cùng một ngày. Bên đi thuê phải áp dụng IFRS 16 sử dụng phương pháp hồi tố toàn bộ hoặc hồi tố một phần.

## 7. CÁC ĐÁNH GIÁ, ƯỚC TÍNH, GIÁ ĐỊNH KẾ TOÁN TRỌNG YẾU

Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các đánh giá, ước tính và giả định ảnh hưởng đến doanh thu, chi phí, tài sản và nợ phải trả đã được báo cáo và các thông tin kèm theo cũng như việc công bố các công nợ tiềm ẩn. Sự không chắc chắn về các giả định và ước tính này có thể dẫn đến những kết quả đòi hỏi một sự điều chỉnh trọng yếu đến giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả bị ảnh hưởng trong các kỳ tới.

Trong quá trình áp dụng các chính sách kế toán của Ngân hàng và các công ty con, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập các đánh giá và giả định liên quan tới tương lai và các nguồn ước tính chủ chốt không thể xác định chắc chắn được tại ngày báo cáo và có rủi ro đáng kể có thể yêu cầu những điều chỉnh trọng yếu tới giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trong các năm tài chính tiếp theo. Các giả định và hoàn cảnh hiện tại về các phát triển trong tương lai có thể thay đổi do các hoàn cảnh ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng và các công ty con và được phản ánh lại trong các giả định nếu và khi các thay đổi đó xảy ra. Các khoản mục có ảnh hưởng trọng yếu nhất đến các giá trị được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất và có bao gồm các đánh giá và/hoặc ước tính trọng yếu được trình bày dưới đây cùng với các đánh giá/ước tính liên quan.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 7. CÁC ĐÁNH GIÁ, ƯỚC TÍNH, GIÀ ĐỊNH KẾ TOÁN TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 7.1 *Hoạt động liên tục*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng duy trì hoạt động liên tục của Ngân hàng và của các công ty con và kết luận rằng Ngân hàng và các công ty con có đầy đủ nguồn lực để tiếp tục kinh doanh trong tương lai được xem xét. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không ghi nhận bất kỳ sự không chắc chắn trong yếu nào có thể gây ra nghi ngờ đáng kể về khả năng duy trì hoạt động liên tục của Ngân hàng và các công ty con có khả năng duy trì hoạt động liên tục. Do đó, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tiếp tục được lập trên cơ sở già định hoạt động liên tục.

### 7.2 *Giá trị hợp lý công cụ tài chính*

Giá trị hợp lý của công cụ tài chính là giá trị sẽ được nhận về khi bán tài sản hoặc giá trị cần phải trả để thanh toán cho một khoản nợ phải trả trong một giao dịch thông thường trên thị trường chính (hoặc thị trường thích hợp nhất) tại ngày đo lường trong điều kiện thị trường bình thường (giá trị hợp lý), bắt kể giá đó được quan sát trực tiếp hay được ước tính sử dụng các kỹ thuật định giá. Khi giá trị hợp lý của tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất không thể được xác định từ thông tin thị trường năng động, giá trị hợp lý sẽ được xác định sử dụng các kỹ thuật định giá bao gồm việc sử dụng các mô hình định giá. Thông tin đầu vào cho các mô hình này được thu nhập từ các dữ liệu thị trường có thể quan sát được, khi có thể, nhưng khi việc thu nhập này không khả thi, các ước tính được sử dụng để xác định giá trị hợp lý. Các đánh giá và ước tính bao gồm việc xem xét thanh khoản và các dữ liệu đầu vào của mô hình liên quan đến các khoản mục như rủi ro tín dụng (của cả chủ thẻ và đối tác), điều chỉnh giá trị tài trợ, tương quan và độ lệch chuẩn.

### 7.3 *Phương pháp lãi suất thực*

Phương pháp lãi suất thực của Ngân hàng và các công ty con ghi nhận thu nhập lãi sử dụng mức tỷ suất thu hồi đại diện cho ước tính tốt nhất của một tỷ suất cố định trong suốt vòng đời của khoản vay hoặc khoản tiền gửi và ghi nhận các ảnh hưởng của các thay đổi tiềm ẩn của lãi suất được áp dụng trong các giai đoạn khác nhau và các đặc tính khác nhau của vòng đời sản phẩm (bao gồm trả trước, lãi và phí phạt). Sự ước tính này, về bản chất, đòi hỏi việc thiết lập các đánh giá về các hành vi và vòng đời kỳ vọng của sản phẩm, ví dụ như những thay đổi kỳ vọng về mức tỷ suất cơ sở và các mức thu nhập/chi phí được tính là một phần của công cụ tài chính.

### 7.4 *Dự phòng rủi ro tín dụng*

Ngân hàng tiến hành thẩm định các khoản cho vay, ứng trước tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất để xác định mức độ dự phòng cho các khoản nợ xấu ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc thực hiện các ước tính về số tiền và thời gian thu hồi của các dòng tiền trong tương lai cùng với giá trị tài sản bảo đảm khi xác định mức dự phòng cho các khoản nợ xấu. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố và kết quả thực tế có thể khác với ước tính và dẫn đến có thể có điều chỉnh dự phòng trong tương lai.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 7. CÁC ĐÁNH GIÁ, ƯỚC TÍNH, GIÁ ĐỊNH KẾ TOÁN TRỌNG YẾU (tiếp theo)

### 7.4 *Dự phòng rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

Bên cạnh việc trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay trọng yếu được đánh giá riêng lẻ, Ngân hàng cũng đánh giá dự phòng theo nhóm các khoản vay có cùng tính chất rủi ro đối với những khoản cho vay không thể đánh giá riêng lẻ và những khoản cho vay đã được đánh giá riêng lẻ nhưng không phải trích lập dự phòng giảm giá để xác định mức dự phòng cần trích lập cho các sự kiện tổn thất thực tế phát sinh căn cứ trên các bảng chứng khách quan nhưng Ngân hàng chưa thể xác định được các ảnh hưởng của chúng. Các đánh giá về đầu vào và dự phòng có thể thu hồi được bao gồm các tiêu chí xác định các danh mục đầu tư đồng nhất nhỏ hơn, ảnh hưởng của sự tập trung rủi ro đối với dữ liệu kinh tế (bao gồm xu hướng trả nợ, hoạt động của các nhóm cá thể khác nhau, xu hướng phá sản...) và xác định giai đoạn sáp nhập. Các phương pháp và giả định được xem xét thường xuyên dựa trên những kinh nghiệm tổn thất đã xảy ra.

### 7.5 *Dự phòng tổn thất các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Ngân hàng và các công ty con đánh giá lại các chứng khoán nợ được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán vào ngày báo cáo để đánh giá xem các chứng khoán này có bị suy giảm giá trị không. Các đánh giá này tương tự như cách đánh giá riêng các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng.

Ngân hàng và các công ty con ghi nhận sự suy giảm của các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn thuộc nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán khi giá trị hợp lý của tài sản bị suy giảm trọng yếu hoặc liên tục xuống thấp hơn so với giá mua. Tính "trọng yếu" hoặc "liên tục" được xác định dựa trên những ước tính. Để đưa ra những ước tính này, Ngân hàng và các công ty con đánh giá sự biến động của giá cổ phiếu, khoảng thời gian, phạm vi mà giá trị hợp lý của chứng khoán thấp hơn giá mua và các yếu tố khác.

### 7.6 *Dự phòng và các công nợ tiềm ẩn khác*

Ngân hàng và các công ty con hoạt động trong môi trường được quản lý bởi luật và các quy định, do đó, về bản chất, rủi ro pháp lý là một yếu tố quan trọng trong rủi ro hoạt động. Theo đó, Ngân hàng và các công ty con có liên quan đến một số các sự kiện pháp lý, tranh chấp và điều tra phát sinh từ hoạt động kinh doanh thông thường của Ngân hàng và các công ty con.

Khi Ngân hàng và các công ty con có thể đo lường một cách tin cậy các khoản phải trả của lợi ích kinh tế trong các trường hợp cụ thể và xác định các khoản phải trả đó có khả năng xảy ra cao, Ngân hàng và các công ty con sẽ ghi nhận dự phòng tương ứng với các trường hợp đó. Khi khả năng các khoản phải trả được xác định là không cao, hoặc có khả năng xảy cao nhưng không thể đo lường một cách đáng tin cậy, khoản mục này sẽ được thuyết minh trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên, khi Ngân hàng và các công ty con cho rằng việc thuyết minh những ước tính này trên cơ sở từng sự việc có thể gây định kiến, khi đó Ngân hàng và các công ty con sẽ không thuyết minh chi tiết và cụ thể về sự việc đó trong báo cáo tài chính hợp nhất. Do tính chủ quan và không chắc chắn trong việc xác định khả năng và mức độ tổn thất, Ngân hàng và các công ty con đã xem xét các yếu tố bao gồm ý kiến pháp lý, giai đoạn của sự việc và các bằng chứng lịch sử của các sự kiện tương tự. Các đánh giá trọng yếu là cần thiết để kết luận đối với các ước tính này.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Ngân hàng và các công ty con có 2 bộ phận báo cáo, cũng là các bộ phận kinh doanh chiến lược. Các bộ phận kinh doanh chiến lược này cung cấp những sản phẩm và dịch vụ khác nhau và được quản lý riêng rẽ dựa trên cơ cấu quản lý và báo cáo nội bộ. Đối với mỗi bộ phận kinh doanh chiến lược, Ban Tổng Giám đốc rà soát các báo cáo quản lý nội bộ ít nhất mỗi quý một lần. Dưới đây là tóm tắt những hoạt động của mỗi bộ phận báo cáo:

- ▶ Ngân hàng: Bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các giao dịch và số dư khác với tổ chức tài chính, các khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân;
- ▶ Quản lý tài sản: Quản lý tài sản bảo đảm và các khoản vay tái cơ cấu.

Thông tin liên quan đến kết quả hoạt động của từng bộ phận báo cáo được trình bày dưới đây. Kết quả hoạt động được tính toán dựa trên lợi nhuận trước thuế của từng bộ phận, như được trình bày trong báo cáo quản lý nội bộ và được rà soát bởi Ban Tổng Giám đốc. Lợi nhuận bộ phận được dùng để đánh giá kết quả hoạt động vì Ban Tổng Giám đốc tin rằng đây là thông tin thích hợp nhất để đánh giá kết quả của các bộ phận kinh doanh so với các đơn vị khác hoạt động cùng ngành. Việc định giá cho các giao dịch giữa các bộ phận được thực hiện trên cơ sở thị trường.

### 8.1 Lợi nhuận theo bộ phận kinh doanh

	Ngân hàng Triệu đồng	Quản lý tài sản Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>			
Thu nhập lãi thuần	9.481.438	-	9.481.438
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	632.827	(8)	632.819
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(54.721)	-	(54.721)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác	988.047	(17.256)	970.791
<b>Tổng thu nhập hoạt động của bộ phận kinh doanh</b>	<b>11.047.591</b>	<b>(17.264)</b>	<b>11.030.327</b>
Tổng chi phí hoạt động của bộ phận kinh doanh			
	(4.129.109)	(33.731)	(4.162.840)
Lỗ lỗ thâm thuần từ các tài sản tài chính	(3.755.168)	-	(3.755.168)
<b>Lợi nhuận trước thuế của bộ phận kinh doanh</b>	<b>3.163.314</b>	<b>(50.995)</b>	<b>3.112.319</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>			
Tài sản của bộ phận kinh doanh	246.662.823	105.517	246.768.340
Nợ phải trả của bộ phận kinh doanh	229.561.573	3.623	229.565.196

### 8.2 Thông tin theo khu vực địa lý

Ngân hàng và các công ty con hoạt động theo ba khu vực địa lý: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam tại Việt Nam. Tuy vậy, doanh thu và chi phí hoạt động, các tài sản và nợ phải trả tài chính được quản lý tập trung tại Hội sở chính và chỉ có tài sản cố định được phân bổ cho các đơn vị kinh doanh. Bảng sau trình bày sự phân bổ tài sản cố định của Ngân hàng và của các công ty con trên cơ sở khu vực địa lý tương ứng:

#### Tài sản cố định

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Miền Bắc	413.187	328.052
Miền Trung	65.445	66.596
Miền Nam	280.737	320.023
	<b>759.369</b>	<b>714.671</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 9. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	117.879	90.300
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	13.554.661	9.775.800
Thu nhập lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán và tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	2.105.872	1.621.310
Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh	58.678	54.633
Thu khác từ hoạt động tín dụng	319.204	166.048
	<b>16.156.294</b>	<b>11.708.091</b>

## 10. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Chi phí lãi tiền gửi	3.504.596	4.299.357
Chi phí lãi tiền vay	387.158	291.906
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	2.643.583	472.575
Chi phí hoạt động tín dụng khác	139.519	39.253
	<b>6.674.856</b>	<b>5.103.091</b>

## 11. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	<b>1.380.512</b>	<b>889.488</b>
Thu từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	118.926	120.199
Thu từ dịch vụ ủy thác	-	38.125
Thu từ dịch vụ tư vấn	78.025	36.101
Thu từ dịch vụ đại lý bảo hiểm	979.795	630.940
Thu khác	203.766	64.123
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>	<b>(747.693)</b>	<b>(540.510)</b>
Chi về dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(82.185)	(64.336)
Chi phí hoa hồng môi giới	(279.036)	(191.435)
Chi khác	(386.472)	(284.739)
	<b>632.819</b>	<b>348.978</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 12. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(271.552)	(192.635)
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh và thay đổi trong giá trị hợp lý của tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	216.831	(111.493)
	<b>(54.721)</b>	<b>(304.128)</b>

## 13. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁC

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Lãi từ hoạt động bán các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	340.322	251.274
Khác	630.469	306.543
	<b>970.791</b>	<b>557.817</b>

Thông tin chi tiết về lãi thuần khác như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	405.330	264.644
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	11.399	-
Lãi từ thanh lý tài sản	198.671	24.905
Khác	15.069	16.994
	<b>630.469</b>	<b>306.543</b>

## 14. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Chi phí dự phòng cho vay và ứng trước cho khách hàng (Thuyết minh số 23)	3.755.168	3.168.049

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

### 15. CHI PHÍ NHÂN VIÊN

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng</i>
Chi phí lương và phụ cấp	2.253.384	1.332.103
Chi phí liên quan đến lương	127.328	91.203
Trợ cấp	138.492	14.924
Phụ cấp khác	40.088	22.022
	<b>2.559.292</b>	<b>1.460.252</b>

### 16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng</i>
<b>Chi phí thuế, lệ phí và phí</b>	<b>97.719</b>	<b>67.305</b>
<b>Chi về tài sản</b>	<b>372.057</b>	<b>312.955</b>
Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	77.043	65.228
Chi thuê tài sản	245.958	205.617
Mua sắm công cụ lao động	48.234	41.514
Khác	822	596
<b>Chi cho hoạt động quản lý công vụ</b>	<b>387.872</b>	<b>290.088</b>
Chi công tác phí	21.734	17.669
Chi các hoạt động đoàn thể	14.356	16.594
Quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi	115.653	81.788
Điện, nước, vệ sinh cơ quan	31.009	28.137
Hội nghị	12.219	15.924
Khác	192.901	129.976
<b>Chi bảo hiểm tiền gửi của khách hàng</b>	<b>65.979</b>	<b>54.438</b>
<b>Khác</b>	<b>565.047</b>	<b>510.788</b>
	<b>1.488.674</b>	<b>1.235.574</b>

### 17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	657.666	321.510
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	(1.629)	(31.761)
<b>Chi phí thuế doanh nghiệp trong kỳ</b>	<b>656.037</b>	<b>289.749</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Ngân hàng và các công ty con lập, kê khai và quyết toán thuế của từng đơn vị với cơ quan thuế địa phương. Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3.112.319</b>	<b>1.261.135</b>
Cộng/(trừ)		
- Hoàn nhập chi phí lương và dự phòng trợ cấp thôi việc	107.523	(1.482)
- Thay đổi trong giá trị hợp lý của các công cụ phái sinh và công cụ tài chính khác	222.081	96.705
- Thu nhập từ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(25.130)	(51.426)
- Thay đổi giá trị hợp lý của tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	(46.562)	157.557
- Khác biệt về chi phí rủi ro tín dụng giữa VAS và IFRS	(194.114)	(66.095)
- Khác biệt về các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác giữa VAS và IFRS	(50.023)	43.349
- Lỗ thuần của công ty con	8.829	14.271
- Chi phí không được khấu trừ	150.581	152.315
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>3.285.504</b>	<b>1.606.329</b>
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	657.100	321.266
Điều chỉnh số thuế phải nộp năm trước	566	244
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả trong kỳ</b>	<b>657.666</b>	<b>321.510</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>467.647</b>	<b>268.556</b>
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(866.675)	(439.218)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>258.638</b>	<b>150.848</b>

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

### 18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	30 tháng 6 năm 2017			30 tháng 6 năm 2016			Báo cáo kết
	Tài sản thuế	Thuế thu nhập doanh nghiệp	quá hoạt động kinh doanh hợp nhất	Tài sản thuế	Thuế thu nhập doanh nghiệp	quá hoạt động kinh doanh hợp nhất	Báo cáo kết
	thu nhập doanh nghiệp	hoàn lại	phai trả	thu nhập doanh nghiệp	hoàn lại	phai trả	giữa niên đ
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư đầu kỳ	(440.115)	-	-	242.556	(145.137)	-	-
Điều chỉnh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.							
- <i>Dự phòng trong kỳ</i>	207.342	(205.713)	1.629	5.432	26.329	31.761	
- <i>Hoàn nhập thuế thu nhập hợp lại ghi nhận từ các kỳ trước</i>	740.985	(354.940)	386.045	247.988	(73.247)	174.741	
(533.643)	149.227	(384.416)	(242.556)	99.576	(142.980)		
Điều chỉnh trong vốn chủ sở hữu:							
- <i>Thay đổi trong giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>	-	(49.766)	-	-	(72.947)	-	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>740.985</b>	<b>(695.594)</b>	<b>-</b>	<b>247.988</b>	<b>(191.755)</b>	<b>-</b>	

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

### 19. TIỀN MẶT VÀ TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Tiền mặt	1.729.591	1.727.361
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	3.027.953	2.982.589
	<b>4.757.544</b>	<b>4.709.950</b>

Tiền gửi tại NHNN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Theo quy định của NHNN về quỹ dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thải nỗi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân hàng tháng của tài khoản tiền gửi không được thấp hơn số dư dự trữ bắt buộc hàng tháng. Giá trị của khoản dự trữ bắt buộc được tính bằng số dư trung bình tiền gửi tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn ít hơn 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn ít hơn 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

### 20. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.631.569	4.092.401
Cho vay các TCTD khác	1.989.282	5.422.935
Dự phòng tổn thất cho vay TCTD khác	(731)	(731)
	<b>9.620.120</b>	<b>9.514.605</b>

Lãi suất tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo năm tại ngày lập báo cáo như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
- VND	1,40% - 6,00%	3,10% - 7,30%
- Ngoại tệ	1,40% - 2,20%	1,30% - 1,50%
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
- VND	4,00% - 5,80%	3,50% - 6,10%
- Ngoại tệ	1,70% - 1,80%	Không áp dụng

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THEO GIÁ TRỊ HỢP LÝ THÔNG QUA LÃI/(LỖ)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Trái phiếu Chính phủ	3.601.658	1.505.755
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành	1.339.610	1.487.024
	<b>4.941.268</b>	<b>2.992.779</b>

Tình trạng niêm yết của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
Đã niêm yết	4.722.929	2.782.413
Chưa niêm yết	218.339	210.366
	<b>4.941.268</b>	<b>2.992.779</b>

## 22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH

	Tổng giá trị của hợp đồng Triệu đồng	Giá trị hợp lý Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	22.607.307	70.084	(74.630)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	8.060.768	57.056	(39.919)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	14.546.539	13.028	(34.711)
Công cụ tài chính phái sinh khác	2.018.790	-	(9.828)
Hợp đồng hoán đổi lãi suất	2.018.790	-	(9.828)
	<b>24.626.097</b>	<b>70.084</b>	<b>(84.458)</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	25.869.954	148.876	(98.415)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.754.991	92.053	(32.757)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	13.114.963	56.823	(65.658)
Công cụ tài chính phái sinh khác	107.050	4.973	-
Hợp đồng hoán đổi lãi suất	107.050	4.973	-
	<b>25.977.004</b>	<b>153.849</b>	<b>(98.415)</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 23. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng theo kỳ hạn như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	44.622.211	38.548.035
Nợ trung hạn	78.616.784	61.105.763
Nợ dài hạn	43.900.351	50.847.452
	<b>167.139.346</b>	<b>150.501.250</b>
Dự phòng rủi ro tín dụng	(6.285.254)	(5.835.585)
	<b>160.854.092</b>	<b>144.665.665</b>

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng theo loại hình khách hàng như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Các tổ chức doanh nghiệp	63.352.373	58.008.068
Cá nhân	103.786.973	92.493.182
	<b>167.139.346</b>	<b>150.501.250</b>
Dự phòng rủi ro tín dụng	(6.285.254)	(5.835.585)
	<b>160.854.092</b>	<b>144.665.665</b>

Lãi suất cho vay khách hàng theo năm tại ngày lập báo cáo như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
VND	3,00% - 14,00%	3,00% - 13,50%
Ngoại tệ	2,00% - 4,75%	1,40% - 4,50%

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Dự phòng rủi ro riêng lẻ	714.148	664.325
Dự phòng rủi ro theo nhóm	5.571.106	5.171.260
	<b>6.285.254</b>	<b>5.835.585</b>

Thay đổi dự phòng cho vay và ứng trước cho khách hàng như sau:

	Dự phòng rủi ro riêng lẻ Triệu đồng	Dự phòng rủi ro theo nhóm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu kỳ	664.325	5.171.260	5.835.585
Trích lập dự phòng (Thuyết minh số 14)	3.355.322	399.846	3.755.168
Dự phòng sử dụng để xử lý rủi ro trong kỳ	(3.305.499)	-	(3.305.499)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>714.148</b>	<b>5.571.106</b>	<b>6.285.254</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>54.212.258</b>	<b>55.451.853</b>
Trái phiếu Chính phủ	20.002.146	23.087.408
Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	18.479.833	17.308.416
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	15.730.279	15.056.029
<b>Chứng khoán vốn</b>	<b>314.729</b>	<b>314.729</b>
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	314.729	314.729
	<b>54.526.987</b>	<b>55.766.582</b>
<b>Dự phòng rủi ro giảm giá trị</b>	<b>(44.926)</b>	<b>(145.040)</b>
Dự phòng rủi ro riêng lẻ	(44.926)	(145.040)
	<b>54.482.061</b>	<b>55.621.542</b>

Thay đổi dự phòng cho các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán như sau:

	Dự phòng rủi ro riêng lẻ Triệu đồng	Dự phòng rủi ro theo nhóm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu kỳ	145.040	-	145.040
Trích lập dự phòng	(100.114)	-	(100.114)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>44.926</b>	<b>-</b>	<b>44.926</b>

Kỳ hạn và lãi suất theo năm của các chứng khoán nợ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Kỳ hạn	Lãi suất	Kỳ hạn	Lãi suất
Trái phiếu Chính phủ	3 năm - 15 năm	4,9% - 11,0%	3 năm - 15 năm	5,0% - 11,0%
Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	11 tháng - 15 năm	5,7% - 12,0%	2 năm - 10 năm	5,7% - 12,2%
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1 năm - 7 năm	8,5% - 11,0%	1 năm - 6 năm	8,5% - 11,0%

Tổng mệnh giá của các trái phiếu mang đi cầm cố để đảm bảo cho các hợp đồng huy động vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7.797.510 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.545.572 triệu đồng).

Tổng mệnh giá của các trái phiếu được Ngân hàng bán và cam kết mua lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 2.400.000 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.609.000 triệu đồng).

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

### 25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ	107.277	-

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn còn lại là 18 tháng và lãi suất từ 5,70% đến 8,20%/năm.

### 26. TÀI SẢN VÀ THIẾT BỊ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Bất động sản	131.909	146.902
Thiết bị	321.285	344.149
Xây dựng cơ bản dở dang	19.178	15.569
	<b>472.372</b>	<b>506.620</b>

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

### 26. TÀI SẢN VÀ THIẾT BỊ (tiếp theo)

Sự biến động của tài sản và thiết bị trong kỳ như sau:

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Trụ sở và chí phi cài tao trú sở Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận chuyển Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tài sản khác Triệu đồng	Xây dựng cơ bản đô đồng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>								
Số dư đầu kỳ	69.147	109.299	569.397	128.770	77.378	54.567	15.569	1.024.127
Mua thêm	-	-	35.386	1.292	784	146	3.685	41.293
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	-	6.038	-	4.708	2.283	-	13.029
Phân loại lại	-	-	214	(38)	(176)	-	-	-
Thanh lý	-	(24.298)	(27.262)	(75)	(463)	(703)	-	(52.801)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	782	-	-	(76)	706
Số dư cuối kỳ	69.147	85.001	583.773	130.769	82.406	56.293	19.178	1.026.567
<b>Khấu hao lũy kế</b>								
Số dư đầu kỳ	868	30.676	328.385	69.809	53.883	33.886	-	517.507
Khấu hao trong kỳ	-	3.254	55.095	7.519	6.905	4.758	-	77.531
Phân loại lại	-	-	90	(2)	(88)	-	-	-
Thanh lý	-	(12.559)	(27.256)	(36)	(289)	(703)	-	(40.843)
Số dư cuối kỳ	868	21.371	356.314	77.290	60.411	37.941	-	554.195
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số dư đầu kỳ	68.279	78.623	241.012	58.961	23.495	20.681	15.569	506.620
Số dư cuối kỳ	68.279	63.630	227.459	53.479	21.995	18.352	19.178	472.372

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI VÀ PHẦN MỀM MÁY TÍNH

	Lợi thế thương mại Triệu đồng	Phần mềm máy tính Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	74.905	323.702	398.607
Mua trong kỳ	-	64.262	64.262
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	51.880	51.880
Số dư cuối kỳ	74.905	439.844	514.749
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	190.556	190.556
Hao mòn trong kỳ	-	37.196	37.196
Số dư cuối kỳ	-	227.752	227.752
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	74.905	133.146	208.051
Số dư cuối kỳ	74.905	212.092	286.997

## 28. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	20.075	9.890	29.965
Bán trong kỳ	(20.075)	(9.890)	(29.965)
Số dư cuối kỳ	-	-	-
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	2.803	2.803
Hao mòn trong kỳ	-	146	146
Bán trong kỳ	-	(2.949)	(2.949)
Số dư cuối kỳ	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	20.075	7.087	27.162
Số dư cuối kỳ	-	-	-

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Các khoản phải thu	7.196.935	5.351.490
Các khoản phí phải thu	12.392	2.535
Tài sản Có khác	3.227.865	3.072.689
	<b>10.437.192</b>	<b>8.426.714</b>
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác	(1.652)	(1.652)
	<b>10.435.540</b>	<b>8.425.062</b>

### 29.1 Các khoản phải thu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	101.947	56.696
- <i>Tạm ứng cho hoạt động kinh doanh</i>	65.579	52.015
- <i>Khác</i>	36.368	4.681
Các khoản phải thu bên ngoài	7.094.988	5.294.794
- <i>Phải thu từ hợp đồng LC UPAS</i>	4.330.723	2.956.761
- <i>Đặt cọc cho các hợp đồng kinh tế</i>	1.333.401	1.329.633
- <i>Khác</i>	1.430.864	1.008.400
	<b>7.196.935</b>	<b>5.351.490</b>

### 29.2 Tài sản Có khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Vật liệu	12.804	14.123
Chi phí trả trước chờ phân bổ	1.004.168	813.244
Tài sản nhận gán nợ	2.210.893	2.245.322
	<b>3.227.865</b>	<b>3.072.689</b>

Tài sản nhận gán nợ là các tài sản nhận gán nợ từ các khách hàng vay quá hạn và đang được Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

## 30. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	-	1.078.291
Vay khác	27.306	25.766
	<b>27.306</b>	<b>1.104.057</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 31. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	8.518	1.006.828
Tiền gửi có kỳ hạn	6.792.736	12.443.563
Phải trả phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm	4.339.691	2.971.228
Vay các TCTD khác (*)	9.894.428	12.384.449
	<b>21.035.373</b>	<b>28.806.068</b>

(\*) Chi tiết theo kỳ hạn của các khoản vay các TCTD khác như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Tới 6 tháng	4.375.401	8.641.020
Từ trên 6 tháng đến 1 năm	1.777.073	1.340.583
Từ trên 1 năm đến 5 năm	3.626.389	2.297.167
Trên 5 năm	115.565	105.679
	<b>9.894.428</b>	<b>12.384.449</b>

Mức lãi suất theo năm của tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác tại ngày lập báo cáo như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	1,80% - 4,80%	4,00% - 6,30%
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	1,30% - 1,80%	0,70% - 1,80%
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	2,40% - 7,45%	4,30% - 7,00%
Tiền vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	0,75% - 6,04%	0,75% - 5,75%

## 32. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	11.633.969	14.239.226
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	9.544.555	11.371.357
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.089.414	2.867.869
Tiền gửi có kỳ hạn	118.072.804	109.624.904
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	113.977.453	105.120.207
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.095.351	4.504.697
Tiền gửi vốn chuyên dùng	259.903	69.569
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	54.117	65.867
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	205.786	3.702
Tiền ký quỹ	324.500	415.505
- Tiền gửi ký quỹ bằng VND	310.250	410.085
- Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	14.250	5.420
Chứng chỉ tiền gửi	56.171.252	40.004.595
- Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	56.171.252	40.004.595
	<b>186.462.428</b>	<b>164.353.799</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 32. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Lãi suất theo năm của tiền gửi của khách hàng vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,50%	0,50%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00% - 11,60%	1,00% - 11,60%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 2,20%	0,00% - 2,10%
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	3,50% - 13,50%	3,60% - 13,50%

## 33. VỐN TÀI TRỢ, CHO VAY TCTD CHỈU RỦI RO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Từ Dự án Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA)	286.702	281.874
Từ Công ty Tài chính Quốc tế IFC	2.598.147	1.119.997
	<b>2.884.849</b>	<b>1.401.871</b>

## 34. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Cổ phiếu ưu đãi	2.473.347	2.323.116
Giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	5.681.477	5.462.733
Giấy tờ có giá khác	6.654.148	4.448.199
	<b>14.808.972</b>	<b>12.234.048</b>

Các cổ phiếu ưu đãi là cổ phiếu ưu đãi cổ tức, hưởng mức cổ tức ổn định hàng năm và không có các quyền liên quan đến quản trị Ngân hàng. Dự kiến sau ba năm kể từ ngày phát hành, Ngân hàng sẽ mua lại cổ phiếu ưu đãi làm cổ phiếu quỹ hoặc thực hiện chỉ định bên thứ ba mua lại phần cổ phiếu ưu đãi này.

Giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác là trái phiếu có kỳ hạn trên 5 năm và hưởng mức lãi suất theo năm trong khoảng từ 8,80% đến 10,60%.

Giấy tờ có giá khác là trái phiếu không đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác. Những trái phiếu này có kỳ hạn tới 5 năm và hưởng mức lãi suất theo năm trong khoảng từ 8,10% đến 12,00%.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 35. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
<b>Các khoản phải trả nội bộ</b>	<b>660.601</b>	<b>541.633</b>
Phải trả nhân viên	639.047	518.545
Dự phòng trợ cấp thôi việc	21.554	23.088
<b>Các khoản phải trả bên ngoài</b>	<b>2.591.440</b>	<b>3.297.538</b>
Phải trả liên quan đến các hợp đồng mua bán lại giấy tờ có giá	1.305.019	1.267.400
Các khoản phải trả khác	1.286.421	2.030.138
	<b>3.252.041</b>	<b>3.839.171</b>

## 36. VỐN VÀ CÁC QUỸ

### 36.1 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.003.325.700	844.880.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.003.325.700	844.880.400
- Cổ phiếu phổ thông	1.003.325.700	844.880.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.003.325.700	844.880.400
- Cổ phiếu phổ thông	1.003.325.700	844.880.400

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu của Ngân hàng là 10.000 VND.

### 36.2 Các quỹ dự trữ pháp định

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu kỳ	338.796	1.084.775	1.526.621	2.950.192
Phát hành cổ phiếu thường	(71.750)	-	(408.703)	(480.453)
Trích lập các quỹ	-	-	995.486	995.486
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>267.046</b>	<b>1.084.775</b>	<b>2.113.404</b>	<b>3.465.225</b>

## 37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ sau đây:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng
Tiền mặt	1.729.591	1.751.795
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.027.953	3.511.128
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua	7.631.569	4.451.623
Thấu chi	843.468	244.506
	<b>13.232.581</b>	<b>9.959.052</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 38. CÁC CAM KẾT VÀ CÔNG NỢ TIỀM ẨN

Bảng sau trình bày giá trị danh nghĩa của các cam kết và công nợ tiềm ẩn tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Cam kết bảo lãnh vay vốn	751.598	12.108
Cam kết giao dịch hồi đoái	29.709.968	33.307.126
- Cam kết mua ngoại tệ	329.767	3.687.797
- Cam kết bán ngoại tệ	330.575	3.669.239
- Cam kết giao dịch hoán đổi	29.049.626	25.950.090
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	8.460.540	6.356.322
Bảo lãnh khác	9.870.262	11.585.463
Các cam kết khác	3.263.382	2.334.851
	<b>52.055.750</b>	<b>53.595.870</b>

## 39. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngân hàng và các công ty con không có các giao dịch, các khoản phải thu, phải trả trọng yếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày với các bên liên quan.

## 40. VỐN

Ngân hàng và các công ty con duy trì một cơ sở quản lý vốn chủ động để đảm bảo các nguy cơ rủi ro trong kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu về vốn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Sự phù hợp của vốn của Ngân hàng và của các công ty con được theo dõi bằng cách sử dụng các biện pháp và tỷ lệ do NHNN ban hành.

Ngân hàng và các công ty con đã tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về vốn của mình trong các kỳ báo cáo.

### 40.1 Quản lý vốn

Mục tiêu chính của việc quản lý vốn của Ngân hàng và các công ty con là để đảm bảo rằng Ngân hàng và các công ty con tuân thủ các yêu cầu vốn theo quy định pháp luật và để duy trì mức xếp hạng tín dụng cao và tỷ lệ vốn lành mạnh nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh và tối đa hóa giá trị của các cổ đông.

Ngân hàng và các công ty con quản lý cơ cấu vốn và thực hiện điều chỉnh để phù hợp với những thay đổi của tình hình kinh tế và các đặc điểm rủi ro của hoạt động kinh doanh. Để duy trì hoặc điều chỉnh cơ cấu vốn, Ngân hàng và các công ty con có thể điều chỉnh mức chi trả cổ tức cho cổ đông, trả vốn cho các cổ đông hoặc phát hành chứng khoán vốn. Không có thay đổi nào được thực hiện đối với các mục tiêu, chính sách và quy trình từ năm trước. Tuy nhiên, các mục tiêu, chính sách và quy trình này đang được đánh giá thường xuyên bởi Hội đồng Quản trị.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 40. VỐN (tiếp theo)

### 40.2 Vốn pháp định

Bảng dưới đây thể hiện mức vốn pháp định và tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng và các công ty con tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Theo quy định của NHNN, vốn tự có và tỷ lệ an toàn vốn được tính theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và Thông tư số 06/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và được xác định dựa trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng và các công ty con phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của NHNN và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("VAS").

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Vốn cấp 1	15.946	13.428
Vốn cấp 2	7.079	6.715
Tổng	23.025	20.143
Tài sản rủi ro	189.155	153.088
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	8.43%	8.77%
Tổng tỷ lệ an toàn vốn	12.17%	13.16%
Tỷ lệ an toàn tối thiểu	9%	9%

Vốn pháp định của Ngân hàng và các công ty con bao gồm các thành phần vốn dưới đây từ báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

(1) Vốn cấp 1 bao gồm: vốn điều lệ; quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; quỹ đầu tư và phát triển; lợi nhuận chưa phân phối; thặng dư vốn cổ phần; trừ cổ phiếu quỹ (nếu có); và trừ lợi thế thương mại; khoản lỗ kinh doanh, bao gồm các khoản lỗ lũy kế; các khoản mua cổ phần của các tổ chức tín dụng khác, của các công ty con, hoặc của một doanh nghiệp, một quỹ đầu tư hoặc một dự án đầu tư vượt mức 10% tổng các khoản cầu thành vốn cấp 1 sau khi trừ đi các khoản phải trừ theo quy định, và tổng các khoản vốn góp, mua cổ phần sau khi đã trừ phần vượt mức 10% giới hạn trên, vượt mức 40% tổng các khoản cầu thành Vốn cấp 1 sau khi trừ đi các khoản phải trừ theo quy định; phần vượt mức đó sẽ bị trừ.

(2) Vốn cấp 2 bao gồm: 50% phần chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản cố định; 40% giá trị phần chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn; quỹ dự phòng tài chính; dự phòng chung, các công cụ nợ khác (\*); trừ các khoản phải trừ và các khoản giảm trừ bổ sung.

(\*) Bao gồm các công cụ nợ khác phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ có kỳ hạn ban đầu tối thiểu lớn hơn hoặc bằng 5 năm;
- ▶ không được đảm bảo bằng tài sản của chính tổ chức tín dụng;
- ▶ tổ chức tín dụng chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với Điều kiện sau khi thực hiện vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo Ngân hàng Nhà Nước;
- ▶ tổ chức tín dụng được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong kỳ bị lỗ;

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 40. VÓN (tiếp theo)

### 40.2 Vốn pháp định (tiếp theo)

- ▶ trong trường hợp thanh lý tổ chức tín dụng, người sở hữu trái phiếu và các công cụ nợ khác chỉ được thanh toán sau khi tổ chức tín dụng đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác; và
- ▶ tổ chức tín dụng chỉ được lựa chọn lãi suất của trái phiếu chuyển đổi và các công cụ nợ khác được xác định bằng giá trị cụ thể hoặc được xác định theo công thức và ghi rõ trong hợp đồng, tài liệu phát hành.

Trường hợp sử dụng lãi suất được xác định bằng giá trị cụ thể, việc thay đổi lãi suất chỉ được thực hiện sau 5 năm kể từ ngày phát hành, ký kết hợp đồng và chỉ được thay đổi 1 lần trong suốt thời hạn của trái phiếu chuyển đổi, các công cụ nợ khác.

Trường hợp sử dụng lãi suất được xác định theo công thức, công thức không được thay đổi và chỉ được thay đổi biên độ trong công thức (nếu có) 1 lần sau 5 năm kể từ ngày phát hành, ký kết hợp đồng.

## 41. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Thuyết minh này trình bày việc đo lường giá trị hợp lý của cả công cụ tài chính và phi tài chính.

### 41.1 Nguyên tắc định giá

Giá trị hợp lý của công cụ tài chính là giá trị sẽ được nhận về khi bán tài sản hoặc giá trị cần phải trả để thanh toán cho một công nợ trong một giao dịch thông thường trên thị trường chính (hoặc thị trường thích hợp nhất) tại ngày đo lường trong điều kiện thị trường bình thường (giá trị hợp lý), không kể đến liệu giá đó được quan sát trực tiếp hay được ước tính sử dụng các kỹ thuật định giá.

### 41.2 Quản lý định giá

Phương pháp đo lường giá trị hợp lý và việc quản lý các mô hình định giá được sử dụng của Ngân hàng và các công ty con bao gồm các kiểm soát và các quy trình khác nhằm chắc chắn có đầy đủ các bảo vệ hợp lý đảm bảo chất lượng và tính đầy đủ của việc định giá. Tất cả các sản phẩm mới (bao gồm cả phương pháp định giá tương ứng) đều cần được phê duyệt bởi các bộ phận khác nhau của Ngân hàng và các công ty con bao gồm Khối Quản trị Rủi ro và Khối Tài chính. Trách nhiệm về việc đo lường liên tục thuộc về các đơn vị kinh doanh và khôi phục trách sản phẩm đó.

Sau khi được đệ trình, ước tính về giá trị hợp lý được xem xét và kiểm tra đồng thời bởi cả Khối Quản trị Rủi ro và Khối Tài chính. Sự độc lập trong quá trình kiểm tra định giá cho mục đích báo cáo tài chính là trách nhiệm của các nhóm của Khối Tài chính, và được báo cáo cho Giám đốc Tài chính.

Việc thẩm định độc lập các định giá của giá trị hợp lý được thực hiện thông qua:

- ▶ So sánh với giá chuẩn với mức giá thị trường quan sát được hoặc các nguồn độc lập khác;
- ▶ Thực hiện lại các mô hình tính toán;
- ▶ Đánh giá và xác nhận thông số đầu vào.

Nhóm thẩm định giá độc lập cũng đánh giá việc hiệu chuẩn mô hình ít nhất là nửa năm một lần hoặc khi có các sự kiện quan trọng xuất hiện tại các thị trường có liên quan.

Nhóm thẩm định giá độc lập hoạt động cùng với nhóm chính sách kế toán của Khối Tài chính và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các con số được báo cáo cuối cùng theo giá trị hợp lý là phù hợp với IFRS và sẽ đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 41. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

### 41.2 Quản lý định giá (tiếp theo)

Khi dựa vào nguồn thông tin từ bên thứ ba (ví dụ: giá niêm yết từ các bên môi giới, hoặc các thông số đầu vào vi mô/vĩ mô khác), nhóm thẩm định giá độc lập cũng chịu trách nhiệm về:

- ▶ Xác định và đánh giá danh sách các nhà cung cấp đã được phê duyệt;
- ▶ Nắm rõ các phương pháp định giá và các nguồn dữ liệu đầu vào và xác định sự phù hợp đối với các yêu cầu của báo cáo IFRS.

### 41.3 Tài sản và nợ phải trả phản ánh theo giá trị hợp lý – hệ thống phân cấp giá trị hợp lý

Bảng dưới đây phân tích các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, theo các cấp trong hệ thống giá trị hợp lý:

	Cấp 1 Triệu đồng	Cấp 2 Triệu đồng	Cấp 3 Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>				
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	4.063.567	659.362	218.339	4.941.268
Tài sản tài chính phái sinh	-	70.084	-	70.084
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.627.127	10.559.351	22.295.583	54.482.061
	<b>25.690.694</b>	<b>11.288.797</b>	<b>22.513.922</b>	<b>59.493.413</b>
<b>Nợ phải trả tài chính phái sinh</b>	<b>-</b>	<b>(84.458)</b>	<b>-</b>	<b>(84.458)</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>				
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	1.555.913	1.226.500	210.366	2.992.779
Tài sản tài chính phái sinh	-	153.849	-	153.849
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.381.262	18.109.185	20.131.095	55.621.542
	<b>18.937.175</b>	<b>19.489.534</b>	<b>20.341.461</b>	<b>58.768.170</b>
<b>Nợ phải trả tài chính phái sinh</b>	<b>-</b>	<b>(98.415)</b>	<b>-</b>	<b>(98.415)</b>

### 41.4 Các kỹ thuật định giá

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính được giao dịch tại các thị trường năng động là giá niêm yết trên thị trường hoặc giá của các đơn vị niêm yết giá khác. Đối với tất cả các công cụ tài chính khác, Ngân hàng và các công ty con xác định giá hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá khác.

Đối với các công cụ tài chính được giao dịch không thường xuyên và ít minh bạch về giá cả, giá trị hợp lý trở lên ít khách quan hơn và đòi hỏi mức độ đánh giá khác nhau tùy thuộc vào tính thanh khoản, mức độ tập trung, sự không chắc chắn của các yếu tố thị trường, giả định về giá và các rủi ro khác ảnh hưởng đến công cụ cụ thể đó.

Chính sách kế toán của Ngân hàng và các công ty con về việc xác định giá trị hợp lý được trình bày bày trong *Thuyết minh số 6.5*.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 41. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

Ngân hàng và các công ty con đánh giá giá trị hợp lý bằng hệ thống phân cấp sau, trong đó phản ánh ý nghĩa của các yếu tố đầu vào được sử dụng trong việc xác định giá trị:

- ▶ Cấp 1: các yếu tố đầu vào là giá niêm yết trên thị trường (không điều chỉnh) trong các thị trường năng động của các công cụ xác định.
- ▶ Cấp 2: các yếu tố đầu vào không phải là giá niêm yết bao gồm trong Cấp 1 có thể quan sát được, hoặc trực tiếp (tức là giá) hoặc gián tiếp (tức là các yếu tố phái sinh từ giá). Cấp này bao gồm các công cụ đã được định giá thông qua việc sử dụng: giá niêm yết trên các thị trường năng động đối với các công cụ tương đồng; giá niêm yết đối với chính công cụ đó hoặc các công cụ tương tự trên các thị trường được cho là kém năng động hơn; hoặc các kỹ thuật định giá khác mà trong đó toàn bộ các yếu tố đầu vào quan trọng có thể trực tiếp hoặc gián tiếp quan sát được từ các dữ liệu trên thị trường.
- ▶ Cấp 3: các yếu tố đầu vào không thể quan sát được. Cấp này bao gồm toàn bộ các công cụ mà kỹ thuật định giá bao gồm các yếu tố đầu vào không dựa trên các dữ liệu có thể quan sát được, và các yếu tố đầu vào không thể quan sát được có ảnh hưởng trọng yếu đến việc định giá công cụ tài chính. Cấp này bao gồm các công cụ được định giá dựa trên giá niêm yết đối với các công cụ tương tự mà cần phải thực hiện các điều chỉnh hoặc các giả định lớn không thể quan sát được để phản ánh các khác biệt giữa các công cụ tài chính.

Kỹ thuật định giá bao gồm mô hình giá trị hiện tại và dòng tiền chiết khấu, mô hình so sánh với các công cụ tương tự mà có thể quan sát được giá thị trường và các mô hình định giá khác. Các giả định và yếu tố đầu vào được sử dụng trong kỹ thuật định giá bao gồm lãi suất phi rủi ro và lãi suất chuẩn để so sánh, phần bù rủi ro tín dụng và các chỉ tiêu khác để ước tính tỷ lệ chiết khấu, giá của trái phiếu và chứng khoán vốn, tỷ giá hối đoái và chỉ số giá chứng khoán vốn và biến động về giá và tương quan dự đoán được.

Ngân hàng và các công ty con sử dụng các mô hình định giá được công nhận rộng rãi trong việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thông thường và đơn giản, ví dụ như các giao dịch hoán đổi lãi suất và tiền tệ chỉ cần sử dụng các dữ liệu thị trường có thể quan sát được mà không cần sử dụng nhiều đánh giá và ước tính. Giá có thể quan sát được và các yếu tố đầu vào của mô hình định giá các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được niêm yết thường sẵn có. Tính sẵn có của giá có thể quan sát được và các yếu tố đầu vào này làm giảm sự cần thiết phải sử dụng các đánh giá và ước tính cũng như tính không chắc chắn trong xác định giá trị hợp lý. Tính sẵn có của giá thị trường có thể quan sát được này phụ thuộc vào sản phẩm và thị trường và thường chịu ảnh hưởng bởi những thay đổi do những sự kiện cụ thể và những điều kiện chung trên thị trường tài chính.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 41. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

### 41.5 Sự thay đổi các công cụ tài chính thuộc Cấp 3 được ghi nhận theo giá trị hợp lý

#### Công cụ tài chính thuộc Cấp 3 được ghi nhận theo giá trị hợp lý

Dưới đây là biến động giá trị hợp lý trong kỳ kế toán của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính thuộc Cấp 3 được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Việc tăng từ Cấp 3 lên Cấp 2 xảy ra khi thị trường đổi với một số chứng khoán trở nên thanh khoản hơn, điều này giúp loại bỏ sự cần thiết phải có các đầu vào định giá trọng yếu không thể quan sát được. Kể từ khi tăng cấp, các công cụ này đã được đánh giá bằng các mô hình định giá sử dụng các yếu tố đầu vào có thể quan sát được trên thị trường. Chuyển xuống Cấp 3 phản ánh những thay đổi trong các điều kiện thị trường khiến các công cụ trở nên ít thanh khoản hơn. Do đó, việc tính toán giá trị hợp lý đòi hỏi phải có các yếu tố đầu vào trọng yếu không thể quan sát được trên thị trường.

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 Triệu đồng	Tổng lãi hoặc lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Triệu đồng	Tổng lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập tổng hợp khác hợp nhất giữa niên độ Triệu đồng	Mua Triệu đồng	Bán Triệu đồng	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 Triệu đồng
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	210.366	7.973	-	-	218.339
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.131.095	13.430	801.774	3.415.000	(2.065.716) 22.295.583
	<u>20.341.461</u>	<u>21.403</u>	<u>801.774</u>	<u>3.415.000</u>	<u>(2.065.716)</u> <u>22.513.922</u>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 41. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

### 41.6 Phân tích chất lượng của các yếu tố đầu vào trọng yếu không quan sát được

#### Phản bù

Phản bù thể hiện phần tỷ suất chiết khấu được sử dụng để tính toán giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai. Trong mô hình chiết khấu dòng tiền, phản bù này được cộng thêm vào lãi suất cơ sở khi chiết khấu dòng tiền kỳ vọng tương lai. Do đó, những phản bù này làm giảm giá trị hiện tại của tài sản hoặc tăng giá trị của khoản nợ phải trả. Thông thường, các phản bù này phản ánh mức độ phụ thuộc mà nhà đầu tư kỳ vọng đạt được so với lãi suất cơ bản để bù đắp cho mức rủi ro cao hơn thể hiện ở sự thiếu chắc chắn của dòng tiền gây ra bởi mức rủi ro tín dụng của tài sản. Các phản bù này được ngầm định trong giá thị trường và thường không quan sát được đối với các công cụ thiếu thanh khoản hoặc quá phức tạp.

#### Giá trái phiếu tương đồng/thông số trung gian thị trường

Khi không có sẵn giá thị trường cụ thể, Ngân hàng và các công ty con sử dụng giá thị trường giả định, nghĩa là các công cụ có một số đặc điểm chung với các công cụ đang được định giá. Đây có thể là một công cụ cụ thể, nhưng thường thì Ngân hàng và các công ty con sử dụng các bảng chứng đầu vào từ một nhóm các công cụ tương đồng. Do tính chất của cách tiếp cận này, phạm vi giá thực tế được sử dụng làm đầu vào trong phương pháp định giá thị trường thường khá rộng. Do đó, phạm vi này không phải là dấu hiệu của sự không chắc chắn liên quan đến giá trị hợp lý của từng công cụ tài chính.

### 41.7 Các công cụ tài chính không được xác định theo giá trị hợp lý

Bảng dưới đây so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng mà không được ghi nhận theo giá trị hợp lý trong báo cáo tài chính hợp nhất. Bảng này không bao gồm giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phi tài chính.

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị ghi sổ Triệu đồng	Giá trị hợp lý Triệu đồng	Giá trị ghi sổ Triệu đồng	Giá trị hợp lý Triệu đồng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền mặt và tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.757.544	4.757.544	4.709.950	4.709.950
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	9.620.120	9.635.813	9.514.605	9.508.698
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	160.854.092	(*)	144.665.665	(*)
Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	107.277	107.277	-	-
Tài sản tài chính khác	6.838.458	(*)	5.065.454	(*)
	<b>182.177.491</b>		<b>163.955.674</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	27.306	27.063	1.104.057	1.103.774
Tiền gửi và vay các TCTD khác	21.035.373	21.490.784	28.806.068	28.881.213
Tiền gửi của khách hàng	186.462.428	186.200.876	164.353.799	164.387.319
Phát hành giấy tờ có giá và ủy thác đầu tư	17.693.821	(*)	13.635.919	(*)
Nợ phải trả tài chính khác	2.477.978	(*)	2.332.431	(*)
	<b>227.696.906</b>		<b>210.232.274</b>	

(\*) Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này chưa thể xác định do thiếu thông tin cần thiết.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 41. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

### 41.7 Các công cụ tài chính không được xác định theo giá trị hợp lý (tiếp theo)

Dưới đây là những phương pháp và giả định được sử dụng để xác định giá trị hợp lý cho những công cụ tài chính không được ghi nhận theo giá trị hợp lý trong báo cáo tài chính hợp nhất. Những giá trị này chỉ được tính toán cho mục đích thuyết minh và không được ghi nhận vào các khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tài sản và nợ phải trả tài chính ngắn hạn

Đối với tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có kỳ hạn ngắn (dưới ba tháng), giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng là giá trị xấp xỉ giá trị hợp lý. Các công cụ này bao gồm: tiền mặt và tiền gửi tại NHNN; tiền gửi tại và từ các TCTD khác; tiền gửi không kỳ hạn; và các tài khoản tiết kiệm mà không có kỳ hạn cụ thể. Số tiền này đã được xếp vào Cấp 1 trên cơ sở không có sự điều chỉnh nào đối với số dư trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn là giá thị trường của tài sản được giao dịch trên thị trường năng động, và đối với các tài sản không được giao dịch trên thị trường năng động, là giá trị được ước lượng thông qua phương pháp vốn chủ sở hữu.

## 42. QUẢN LÝ RỦI RO

Ngân hàng chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- ▶ rủi ro tín dụng;
- ▶ rủi ro thanh khoản; và
- ▶ rủi ro thị trường.

Thuyết minh này trình bày thông tin về những rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải theo loại rủi ro; mục tiêu, chính sách và quy trình của Ngân hàng nhằm đánh giá và quản lý rủi ro và việc quản lý nguồn vốn của Ngân hàng.

#### *Khung quản lý rủi ro*

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất, đồng thời chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro của Ngân hàng. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ ("ALCO") và Ủy ban Quản lý Rủi ro ("RCO"), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên có quyền biểu quyết và các thành viên không có quyền biểu quyết.

Khung quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động Ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

### 42.1 Rủi ro tín dụng

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng, gửi tiền tại và cho vay các TCTD khác và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro tín dụng phát sinh khi khách hàng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo các cam kết và thỏa thuận đã ký với Ngân hàng. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ hoạt động cho vay và ứng trước khách hàng doanh nghiệp, cho vay và ứng trước khách hàng bán lẻ và đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng chứng từ và các công cụ tài chính phái sinh.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của Ngân hàng. Ngân hàng xây dựng khâu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và các giới hạn cấp tín dụng bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Về nguyên tắc, Ngân hàng nhận dạng và quản lý các rủi ro tín dụng tại tất cả các hoạt động và sản phẩm tiềm ẩn rủi ro và đảm bảo rằng Ngân hàng chỉ cung cấp các sản phẩm mới khi có đầy đủ các quy định, quy trình liên quan đến sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới nhằm nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro phát sinh trọng yếu. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

Ngân hàng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNN.

Cách tiếp cận tổng thể của Ngân hàng đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà Ngân hàng đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- ▶ Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- ▶ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- ▶ Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- ▶ Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- ▶ Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- ▶ Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

### 42.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

#### 42.1.1 Tài sản bảo đảm và các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác

Ban Tổng Giám đốc giám sát giá trị thị trường của tài sản bảo đảm và sẽ yêu cầu tài sản bảo đảm bổ sung theo thỏa thuận tương ứng. Trong các điều kiện kinh doanh thông thường, Ngân hàng và các công ty con không thực hiện nhận tài sản bất động sản và các tài sản gán nợ khác mà thông qua bên thứ ba thực hiện thu hồi vốn thông qua đấu giá để thanh toán phần dư nợ vay. Bất kỳ khoản vốn thừa nào sau khi thanh toán đều được chuyển trả lại cho khách hàng hoặc bên thụ hưởng thích hợp. Dựa theo bản chất của hoạt động này, các tài sản đang trong quá trình xử lý pháp lý không được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Bảng dưới đây trình bày mức độ đảm bảo cho các tài sản tài chính có rủi ro tín dụng:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	% có tài sản bảo đảm	% không có tài sản bảo đảm	% có tài sản bảo đảm	% không có tài sản bảo đảm
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (*)	0%	100%	0%	100%
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	0%	100%	0%	100%
Cho vay và ứng trước cho khách hang bán lẻ	49,16%	50,84%	46,41%	53,59%
Cho vay và ứng trước cho khách hang doanh nghiệp	87,59%	12,41%	87,02%	12,98%
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán và tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (**)	28,82%	71,18%	26,95%	73,05%
Tài sản Có khác	0%	100%	0%	100%

(\*) Bao gồm trong số dư tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) tại  
ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 95,58% trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do Chính phủ  
bảo lãnh không có tài sản bảo đảm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 92,97%).

(\*\*) Bao gồm trong số dư tài sản tài chính sẵn sàng để bán và tài sản tài chính giữ đến ngày  
đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 58,87% trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do  
Chính phủ bảo lãnh không có tài sản bảo đảm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 69,00%).

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

### 42.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

#### 42.1.2 Chất lượng tín dụng theo loại tài sản tài chính

Bảng dưới đây trình bày chất lượng tín dụng theo từng loại tài sản cho tất cả các tài sản tài chính có rủi ro tín dụng dựa trên hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Giá trị trình bày là gộp các khoản dự phòng giảm giá:

	Không quá hạn Triệu đồng	Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị Triệu đồng	Quá hạn và suy giảm giá trị Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền mặt và tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.757.544	-	-	4.757.544
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	9.620.120	-	-	9.620.120
- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	7.631.569	-	-	7.631.569
- Cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.988.551	-	-	1.988.551
Tài sản tài chính phái sinh	70.084	-	-	70.084
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	4.941.268	-	-	4.941.268
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	151.401.503	5.806.509	3.646.080	160.854.092
Tài sản tài chính khác	54.070.321	-	519.017	54.589.338
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	53.963.044	-	519.017	54.482.061
- Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	107.277	-	-	107.277
Tài sản Có khác	11.935.894	-	-	11.935.894
<b>Tổng cộng</b>	<b>236.796.734</b>	<b>5.806.509</b>	<b>4.165.097</b>	<b>246.768.340</b>

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giám thiểu rủi ro tín dụng nào.

Các tài sản chưa quá hạn của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1, không kể đến các khoản quá hạn dưới 10 ngày, các khoản nợ chưa quá hạn nhưng được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 do đã được cơ cấu lại hoặc gia hạn kỳ hạn trả nợ hoặc buộc chuyển nhóm nợ xấu nhất trên CIC; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản khác không quá hạn. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá bao gồm các khoản cho vay và ứng trước khách hàng đã quá hạn và được Ngân hàng đánh giá rằng giá trị hiện tại của dòng tiền dự kiến thu được từ khách hàng và từ tài sản bảo đảm trong tương lai lớn hơn hoặc bằng các nghĩa vụ phải trả của khách hàng tại ngày báo cáo.

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản bảo đảm là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản bảo đảm này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

### 42.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi Ngân hàng không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của Ngân hàng; thậm chí có thể làm cho Ngân hàng bị phá sản.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Ngân hàng luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của Ngân hàng. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của Ngân hàng mà Ngân hàng sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

Ngân hàng hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản Ngân hàng. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Quản lý Bảng cân đối thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của Ngân hàng trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. Ngân hàng định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của Ngân hàng trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.



## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

#### 42.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Quá hạn			Trong hạn			Tổng		
	Trên 3 tháng		Dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng		Từ 1 đến 12 tháng	Trên 5 năm	Duy trì phòng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và tiền gửi tại NHNN	-	-	4.757.544	-	-	-	-	-	4.757.544
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	6.979.770	2.479.047	161.303	48.471	-	-	9.620.120
Tài sản tài chính phải sinh	-	-	13.818	7.795	-	-	-	-	70.084
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ	-	-	-	4.941.268	-	-	-	-	4.941.268
Cho vay và ứng trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
cho khách hàng	7.370.104	2.082.485	13.560.069	15.064.574	47.303.923	60.981.677	20.776.514	(6.285.254)	160.854.092
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	519.017	-	158.271	824.554	5.865.614	37.516.573	9.598.032	-	54.482.061
Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	-	-	6.190.142	748.793	4.107.162	107.277	692.456	-	107.277
Tài sản Cố khác	-	-	-	-	-	-	-	-	11.935.894
<b>Tổng tài sản</b>	<b>7.889.121</b>	<b>2.082.485</b>	<b>31.659.614</b>	<b>24.066.031</b>	<b>67.486.473</b>	<b>98.802.868</b>	<b>31.067.002</b>	<b>(6.285.254)</b>	<b>246.768.340</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ NHNN	-	-	1.870	158	25.278	-	-	-	27.306
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	9.430.063	4.055.551	4.584.064	2.904.450	11.245	-	21.035.373
Nợ phải trả tài chính phải sinh	-	-	20.718	22.967	30.945	9.828	-	-	84.458
Tiền gửi của khách hàng	-	-	52.053.038	31.093.895	77.149.307	26.164.958	1.230	-	186.462.428
Phí hành giấy tờ có giá	-	-	1.216	-	2.252.299	9.646.573	2.908.884	-	14.808.972
Vốn tài trợ cho vay TCTD	-	-	-	-	-	-	-	-	-
chiết rủi ro	-	-	142	1.408	15.422	2.865.040	2.837	-	2.884.849
Các khoản nợ phải trả khác	-	-	830.327	1.070.475	2.302.047	8.961	-	-	4.261.810
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>62.437.374</b>	<b>36.244.454</b>	<b>86.359.362</b>	<b>41.599.810</b>	<b>2.924.196</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>229.565.196</b>
Mức chênh thanh khoản ròng	<b>7.889.121</b>	<b>2.082.485</b>	<b>(30.777.760)</b>	<b>(12.178.423)</b>	<b>(28.872.889)</b>	<b>57.203.068</b>	<b>28.142.806</b>	<b>(6.285.254)</b>	<b>17.203.144</b>

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

### 42.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do những biến động bất lợi và thay đổi của các nhân tố rủi ro thị trường (bao gồm lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường...) gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của Ngân hàng.

#### Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Rủi ro Thị trường và Đội tác thuộc Khối Quản trị Rủi ro. Phòng Rủi ro Thị trường và Đội tác chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình; xây dựng các công cụ đo lường; đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của Ngân hàng.

Năm 2017, chính sách quản lý rủi ro thị trường đã được sửa đổi đưa ra mô hình quản lý rủi ro phân tách rõ chức năng về quản lý rủi ro thị trường giữa các đơn vị, ủy ban theo mô hình 3 lớp phòng vệ, thành lập Tiểu ban Quản lý Rủi ro Thị trường (MACO) trực thuộc ALCO thực hiện nhiệm vụ đề xuất, phân tích chuyên sâu các vấn đề rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro đối tác. Quy định về phân tách Sở Kinh doanh và Sở Ngân hàng cũng được ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tuân thủ tiêu chuẩn Basel II, theo đó từng danh mục đều phải quy định rõ chiến lược kinh doanh, chiến lược phòng vệ, phân tích các rủi ro tiềm ẩn.

Các loại rủi ro thị trường của Ngân hàng (bao gồm rủi ro tiền tệ, lãi suất, giá hàng hóa, quyền chọn, chênh lệch lợi suất và thanh khoản thị trường) đều được phân tích chuyên sâu, nhận diện, đo lường và quản lý bằng hệ thống các hạn mức nội bộ. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro bao gồm các báo cáo rủi ro định kỳ (chủ yếu là hàng ngày) và báo cáo các trường hợp vi phạm hạn mức.

Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập dựa trên 2 phương pháp: từ trên xuống (top-down) dựa trên khâu vị rủi ro của Ngân hàng, quy định của NHNN và các quy định của đối tác chiến lược và phương pháp từ dưới lên (bottom-up) dựa trên nhu cầu từ đơn vị kinh doanh và phân tích rủi ro-lợi nhuận.

Ngân hàng đã thực hiện tính toán vốn vù đắp cho rủi ro thị trường dựa trên tiêu chuẩn Basel II định kỳ hàng tháng.

#### (a) Rủi ro lãi suất

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại *Thuyết minh số 23* và *Thuyết minh số 32*.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, độ nhạy đối với các biến động trong lãi suất ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con được thể hiện như sau:

	Giá định tăng lãi suất	Tác động đến	
		Lợi nhuận trước thuế Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu Triệu đồng
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>			
Đô la Mỹ	1,50%	(146.365)	(117.092)
VND	3,00%	545.900	436.720
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Đô la Mỹ	1,50%	(157.764)	(126.211)
VND	3,00%	161.595	129.276

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HOP NHAT (tiếp theo)  
tai ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

### 42.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

#### (a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây phân tích rủi ro lãi suất đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con. Ngân hàng và các công ty con trình bày các tài sản và nợ phải trả theo ngày định lãi và phân loại theo thời hạn đáo hạn, tùy theo yêu tố nào đến sớm hơn.

	Quá hạn Triệu đồng	Không chiếu/lỗi Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Thời hạn định lãi/lãi suất			Trên 5 năm Triệu đồng	5 năm Triệu đồng	Dư phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng	
					Từ 1 đến 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng					
<b>Tài sản</b>												
Tiền mặt và tiền gửi tại NHNN	-	1.733.032	3.024.512	-	-	-	-	-	-	-	-	4.757.544
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD	-	17.722	6.970.547	2.471.851	160.000	24.010	-	-	-	-	-	9.620.120
Tài sản tài chính phải sinh	-	-	13.818	7.795	24.461	-	-	-	-	-	-	70.034
kiểm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị	-	-	-	4.941.268	-	-	-	-	-	-	-	4.941.268
hợp lý thông qua lãi(rổ)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay và ứng trước cho	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
khách hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.452.589	2.197.192	67.019.088	24.211.005	22.759.070	21.089.125	20.345.179	56.098	(6.285.254)	160.854.092	-	-
đảo har	519.017	269.803	4.795.387	8.094.722	4.286.312	2.084.228	28.393.129	6.039.463	-	54.482.061	-	-
Tài sản Cố khác	-	7.605.170	386.603	734.427	1.361.231	1.828.463	107.277	-	-	-	-	107.277
Tổng tài sản	<b>9.971.606</b>	<b>11.822.919</b>	<b>82.209.955</b>	<b>40.461.068</b>	<b>28.611.074</b>	<b>25.035.826</b>	<b>48.845.555</b>	<b>6.095.561</b>	<b>(6.285.254)</b>	<b>246.768.340</b>	<b>-</b>	<b>11.935.894</b>
<b>Nợ phải trả</b>												
Các khoản nợ NHNN	-	64	1.865	158	886	24.333	-	-	-	-	-	27.306
Tiền gửi và vay các TCTC, khác	-	77.703	9.033.624	6.712.025	3.201.994	2.010.027	-	-	-	-	-	21.035.373
Nợ phải trả tài chính phải sinh	-	-	20.718	22.967	23.085	7.860	9.828	-	-	-	-	84.458
Tiền gửi của khách hàng	-	3.437.003	50.483.076	30.598.447	32.249.713	43.814.433	25.878.691	1.065	-	-	-	186.462.428
Phí hành giấy tờ có giá	-	525.256	3.065	1.000.000	4.425.000	1.307.860	7.347.791	200.000	-	-	-	14.808.972
Vốn tài trợ cho vay TCTD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
chủ rủi ro	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ phải trả khác	-	18.816	143.234	1.264.784	1.458.015	-	-	-	-	-	-	2.884.849
-	-	2.957.464	-	1.264.346	-	-	-	-	-	-	-	4.261.810
Tổng nợ phải trả	-	7.056.306	59.685.582	40.862.727	41.358.693	47.164.513	33.236.310	201.065	-	-	-	229.565.196
Mức chênh nhay cầm với lãi suất	<b>9.971.606</b>	<b>4.766.613</b>	<b>22.524.373</b>	<b>(401.659)</b>	<b>(12.747.619)</b>	<b>(22.128.687)</b>	<b>15.609.275</b>	<b>5.894.496</b>	<b>(6.285.254)</b>	<b>17.203.144</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
nội bảng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

### 42.3 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

#### (b) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ (hay thường gọi là rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho Ngân hàng do các thay đổi bất lợi của giá trị hợp lý của các trạng thái khi tỷ giá biến động. Trạng thái ngoại hối cũng như các trạng thái vàng và kim loại quý khác có tiềm ẩn rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá xuất hiện khi danh mục bao gồm các dòng tiền giao ngay hoặc dòng tiền tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro tỷ giá tiềm ẩn trên cả Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng. Rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp tới bảng cân đối tài sản và bảng thu nhập khi các loại tài sản, nợ và thu nhập bằng ngoại tệ cần được chuyển đổi sang nội tệ.

#### *Quản lý rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ được quản lý bằng các công cụ hạn mức cho trạng thái mở ngoại tệ cho từng loại ngoại tệ cũng như tổng trạng thái mở ngoại tệ. Ngân hàng sẽ quản lý bằng cách thiết lập các hạn mức trạng thái mở của từng ngoại tệ phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đồng Việt Nam là đồng tiền chính trong giao dịch của Ngân hàng; đồng Đô la Mỹ được giao dịch chủ yếu trên các khoản cho vay, tiền gửi và phái sinh; các loại ngoại tệ khác chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng tài sản và nợ của Ngân hàng. Các trạng thái mở ngoại tệ được giám sát hàng ngày và các chiến lược phòng vệ được sử dụng để đảm bảo các trạng thái luôn trong hạn mức cho phép.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 44*. Theo dự báo của Ngân hàng, tới thời điểm cuối năm 2017, tỷ giá USD/VND sẽ tăng trong khoảng từ 1,5% đến 2,0% so với tỷ giá tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017.

#### *Độ nhạy đối với tỷ giá*

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng tới lợi nhuận sau thuế Triệu đồng
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 USD	2,00%	13.166
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 USD	2,00%	(12.359)

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 42. QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

#### 42.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

##### (b) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	EUR được quy đổi/ Triệu đồng	USD được quy đổi/ Triệu đồng	Vàng được quy đổi/ Triệu đồng	Các loại ngoại tệ khác quy đổi/ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt và tiền gửi tại NHNN	42.086	419.298	140.998	133.749	736.131
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	120.215	1.122.274	-	41.931	1.284.420
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	-	4.479.633	-	-	4.479.633
Tài sản Có khác	63.182	4.255.423	-	18.490	4.337.095
<b>Tổng tài sản</b>	<b>225.483</b>	<b>10.276.628</b>	<b>140.998</b>	<b>194.170</b>	<b>10.837.279</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	63.516	11.567.102	-	844	11.631.562
Tiền gửi của khách hàng	452.265	5.518.412	-	434.124	6.404.801
Vốn tài trợ cho vay TCTD chịu rủi ro	-	2.598.146	-	-	2.598.146
Các khoản nợ phải trả khác	290	29.145	-	70	29.505
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>516.071</b>	<b>19.712.805</b>	<b>-</b>	<b>435.138</b>	<b>20.664.014</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bộ bằng</b>	<b>(290.588)</b>	<b>(9.436.177)</b>	<b>140.998</b>	<b>(240.968)</b>	<b>(9.826.735)</b>
<b>Gia trị danh nghĩa của công cụ tài chính phai sinh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Dòng tiền vào	-	132.716	-	-	132.716
Dòng tiền ra	-	(675.036)	-	(141.203)	(816.239)
<b>(c) Rủi ro giá cả thị trường khác</b>	<b>(542.320)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(141.203)</b>	<b>(683.523)</b>

(c) Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

# Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 43. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 10.033.257 triệu đồng lên 13.326.890 triệu đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Quyết định số 1426/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công văn số 467/UBCK-QLCB ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 0100233583 sửa đổi lần thứ 38 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con.

## 44. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO CUỐI KỲ KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
AUD	17.502	16.274
CAD	17.517	16.718
CHF	23.773	22.121
CNY	3.354	3.192
DKK	3.160	3.159
EUR	26.009	23.770
GBP	29.612	27.656
JPY	203	194
NZD	17.249	17.122
SEK	3.078	3.027
SGD	16.493	15.609
THB	640	620
TWD	30	30
USD	22.431	22.159
XAU	363.000	359.000

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hàng  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiêm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017